

**MỤC LỤC**

**LỜI CẢM ƠN**

**DANH MỤC CÁC CHỮ VẾT TẮT**

**LỜI MỞ ĐẦU** ..... 1

**CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT** ..... 3

1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất ..... 3

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm..... 3

1.3. Phân loại chi phí sản xuất..... 4

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm..... 7

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm..... 8

1.6. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất ..... 9

1.6.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. .... 9

1.6.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp ..... 11

1.6.3. Kế toán lập chi phí sử dụng máy thi công..... 11

1.6.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung ..... 14

1.6.5. Tổng hợp chi phí sản xuất..... 15

1.6.5.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp KKTX. .... 15

1.6.5.2. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... 16

1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm ..... 17

1.7.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn ( Phương pháp trực tiếp)..... 18

1.7.2. Phương pháp hệ số ..... 18

1.7.3. Phương pháp tỉ lệ ..... 19

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang ..... 20

1.8.1. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. .... 20

..... 20

1.8.2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương ..... 21

..... 21

1.8.3. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến.... 22

1.8.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức ( hoặc kế hoạch) ..... 22

1.9. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm. .... 22

1.9.1. Đối tượng tính giá thành ..... 22

1.9.2 Kỳ giá thành sản phẩm.....	23
1.9.3 Phương pháp tính giá thành .....	23
1.9.4 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	23
1.9.4.1. Hạch toán các khoản thiệt hại về sản phẩm hỏng. ....	24
1.9.4.2. Hạch toán các khoản thiệt hại do ngừng sản xuất.....	25
1.10: Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán .....	26
1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	26
1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	27
1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. ....	28
1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo phương pháp nhật ký chứng từ. ....	29
1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy .....	30
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT .....</b>	<b>32</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt	32
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	33
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt .....	34
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách áp dụng kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	35
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt .....	35
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng của công ty.....	36
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt. ....	37
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất.....	37

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	38
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	38
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt. ....	38
2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt. ....	39
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp .....	46
2.2.4.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung công ty cổ phần xây lắp Sao Việt....	56
2.2.4.5: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.....	60
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHO PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT.....</b>	<b>67</b>
3.1. Đánh giá thực trạng kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành nói riêng tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	67
3.1.1. Ưu điểm.....	67
3.1.2. Những mặt hạn chế .....	69
3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. ....	69
3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	71
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	71
3.4.1 Kiến nghị 1: Về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt. ....	72
3.4.2. Kiến nghị 2: Hạch toán chi phí nguyên vật liệu.....	72
3.4.3. Kiến nghị 3: Tiến hành trích chi phí sửa chữa lớn TSCĐ: .....	73
3.4.4. Kiến nghị 4: tiến hành lập trích dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp:.....	74
3.5.Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	76
3.5.1 Về phía nhà nước .....	76
3.5.2. Về phía công ty. ....	76
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>77</b>

**LỜI CẢM ƠN**

Để hoàn thành đề tài khóa luận này, em xin gửi tới lời cảm ơn chân thành và sắc nhất đến:

Các thầy giáo , cô giáo của trường đại học Dân Lập Hải Phòng - những người đã cho em những kiến thức không chỉ về lý thuyết mà còn tận tình chỉ bảo nhiều kinh nghiệm thực tế để em hoàn thành thật tốt đề tài khóa luận này.

Thầy giáo Ths.Nguyễn Đức Kiên đã hết lòng hỗ trợ, tận tình giúp đỡ em từ việc chọn đề tài đến cách tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập và hoàn thành bài khóa luận này.

Ban lãnh đạo công ty, các cô chú, anh chị làm việc tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, đặc biệt là phòng kế toán đã giúp em hiểu được về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất- giá thành sản phẩm nói riêng. Quá trình thực tập này đã cung cấp cho em nhiều kinh nghiệm và kỹ năng vô cùng quý báu và cần thiết cho một kế toán tương lai.

Với niềm tin về tương lai, sự nỗ lực học tập không ngừng của bản thân cùng với những kiến thức , sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn **Ths.Nguyễn ĐứcKiên**, các thầy cô, anh chị khóa kế toán đi trước, em xin hứa sẽ cố gắng trở thành một kế toán viên giỏi và một kế toán viên giỏi và có những bước đi phát triển hơn nữa cho nghề nghiệp mà mình đã chọn, để tự hào vào bảng thành tích chung của sinh viên đại học Dân Lập Hải Phòng.

Cuối cùng, em xin kính chúc các thầy cô giáo, các cô các bác, các anh chị làm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt dồi dào sức khỏe và công tác tốt, thành công và hạnh phúc trong cuộc sống.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

*Hải phòng, ngày 9 tháng 9 năm 2014*

*Sinh viên*

*Lê Thị Minh Hòa*

**DANH MỤC CÁC CHỮ VẾT TẮT**

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
TSCĐ	Tài sản cố định
TK	Tài khoản
PP	Phương pháp
KKTX	Kiểm kê định kỳ
CPSX	Kê khai thường xuyên
SPDD	Chi phí sản xuất
CP NVLTT	Sản phẩm dở dang
CP NCTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
CP SXC	Chi phí sản xuất chung
NVL	Nguyên vật liệu
PN	Phiếu nhập
PX	Phiếu xuất
SP	Sản phẩm
SH	Số hiệu
NT	Ngày tháng
NKC	Nhật ký chung
NVLC	Nguyên vật liệu chính
TKĐƯ	Tài khoản đối ứng

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ( Theo phương pháp kê khai thường xuyên).....	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp ( Theo phương pháp kê khai thường xuyên).....	11
Sơ đồ 1.3: Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công .....	13
Sơ đồ 1.4: Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công .....	14
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất chung.....	15
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX.....	16
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK.....	17
Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí sản phẩm hỏng sửa chữa được .....	24
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí sản phẩm hỏng không sửa chữa được.....	25
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch.....	25
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch...	26
Sơ đồ 1.12: Quy trình kế toán theo hình thức nhật ký chung .....	27
Sơ đồ 1.13: sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký – sổ cái.....	28
Sơ đồ 1.14: sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	29
Sơ đồ 1.15: sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chứng từ.....	30
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy .....	31
Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất và hoàn thành công trình của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt .....	34
Sơ đồ 2.2: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt .....	34
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.....	36
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký chung .....	37
Sơ đồ 3.1: Kế toán chi phí sửa chữa lớn .....	74
Sơ đồ 3.2: Kế toán dự phòng các khoản phải trả .....	75

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000561 .....	40
Biểu 2.2: Phiếu nhập kho .....	41
Biểu 2.3: Phiếu xuất kho số PX 41 .....	42
Biểu 2.4: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh Tk 621 .....	43
Biểu 2.5: Sổ nhật ký chung .....	44
Biểu 2.6: Sổ cái TK 621 .....	45
Biểu 2.7: Hợp đồng giao khoán số 20.....	48
Biểu 2.8: Bảng chấm công .....	49
Biểu 2.9 : Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành .....	50
Biểu 2.10 : Bảng thanh toán tiền công thuê ngoài .....	51
Biểu 2.11 : Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương. ....	52
Biểu 2.12: Bảng phân bổ lương. ....	53
Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung .....	54
Biểu 2.14 : Sổ cái TK 622.....	55
Biểu 2.15: Bảng phân bổ chi phí TK 242 .....	57
Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung .....	59
Biểu 2.17 Sổ cái tài khoản 627.....	60
Biểu 2.18: Bảng phân bổ chi phí.....	62
Biểu 2.19:Phiếu kế toán số 08.....	63
Biểu 2.20: Bảng tính giá thành.....	64
Biểu 2.21: phiếu kế toán 09.....	65
Biểu 2.22: Sổ nhật ký chung .....	66
Biểu 3.1: Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ. ....	73

## **LỜI MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Sau những năm hội nhập và phát triển, nền kinh tế nước ta ngày một hoàn thiện hơn. Cùng với sự phát triển đó, việc quản lý, hạch toán kế toán ở các doanh nghiệp ngày càng chú trọng hơn. Vấn đề đặt ra với các doanh nghiệp là làm sao đạt được mức lợi nhuận cao nhất mà chi phí ít nhất nhưng vẫn phải tuân theo pháp luật.

Cũng như các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sản xuất công nghiệp đã trở thành đơn vị hạch toán độc lập tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó hạch toán kế toán là một bộ phận quan trọng của hệ thống công cụ quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế. Với tư cách là công cụ quản lý kinh tế, tài chính kế toán là một lĩnh vực gắn liền với hoạt động kinh tế tài chính đảm nhiệm hệ thống thông tin có ích cho các quyết định kinh tế. Vì vậy kế toán có vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ với hoạt động tài chính nhà nước, và còn vô cùng quan trọng và cần thiết với hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường, để tồn tại và phát triển, giữa các doanh nghiệp thường xuyên xảy ra cạnh tranh nhằm khẳng định thương hiệu của mình thì chất lượng thông tin kế toán ( dù ít hay nhiều, dù thô sơ hay phức tạp ) đều là những tiêu chuẩn quan trọng để đảm bảo an toàn và khả năng mang lại cho thành công cho những quyết định kinh doanh. Đặc biệt là những thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm luôn là mối quan tâm hàng đầu của các cơ quan chức năng trong công ty quản lý doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất trong cơ chế thị trường, các doanh nghiệp phải đứng trước sự cạnh tranh hết sức gay gắt , bên cạnh đó là sự điều tiết về quy luật kinh tế thị trường như quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh. Để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, doanh nghiệp phải thực hiện tổng điều hòa biện pháp quản lý với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đặc biệt phải quản lý chặt chẽ quá trình sản xuất sản phẩm nhằm giảm chi phí sản xuất và hạ giá thành. Việc hạch toán đúng, hợp lý và chính xác và tính đủ giá thành sản phẩm thì doanh nghiệp mới có thể đứng vững trên thị trường.

Nhận thức vai trò quan trọng và có ý nghĩa thiết thực của vấn đề trên, sau thời gian của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, được tìm hiểu thực tế tình hình hạch toán cũng như công tác quản lý sản xuất kinh doanh tại công ty, cùng với



mong muốn góp phần hoàn thiện công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm tăng cường quản lý chi phí sản xuất tại đây em đã mạnh dạn chọn đề tài “ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt”

## **2.Mục đích nghiên cứu đề tài**

Hệ thống lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

Mô tả và phân tích thực trạng của công ty kế toán chi phí sản xuất và giá thành tính sản phẩm tại công cổ phần xây lắp Sao Việt.

Trên cơ sở đó đưa ra đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán chi phí sản xuất giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

## **3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Đối tượng nghiên cứu: công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành phẩm trong doanh nghiệp nhằm tăng cường quản lý chi phí tại công ty cổ phần Sao Việt.

Phạm vi nghiên cứu:

Về không gian: Đề tài được nghiên cứu tại công ty cổ phần xây lắp Sao Việt

Về thời gian : Đề tài được thực hiện từ ngày 01/09/2014 đến ngày 1/11/2104

Việc phân tích được số liệu năm 2013 từ phòng kế toán của công ty.

## **4.Phương pháp nghiên cứu**

Các phương pháp kế toán

Phương pháp thống kê và so sánh

Phương pháp nghiên cứu tài liệu

## **5.Kết cấu khóa luận**

Nội dung gồm 3 chương

**Chương 1:** Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

**Chương 3:** Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

**CHƯƠNG 1****LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT****1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất có ý quan trọng gắn liền với quá trình sản xuất. Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thực chất là sự vận động của các yếu tố sản xuất đã bỏ ra và sự biến đổi của chúng một cách ý thức, có mục đích của sản phẩm cuối cùng. Số tiền chi ra để mua các yếu tố đó phục vụ cho quá trình sản xuất chính là chi phí sản xuất ra sản phẩm. Vậy chi phí sản xuất là gì.

Trên góc độ nghiên cứu, quản lý khác nhau thì cách hiểu về chi phí cũng khác nhau.

- ✓ Đối với quản trị: “ chi phí sản xuất là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra cho thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm.
- ✓ Đối với kế toán: “ Chi phí sản xuất là thể hiện bằng tiền toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến các hoạt động.

Chi phí sản xuất được hình thành do sự chuyển dịch giá trị của các yếu tố sản xuất vào sản phẩm sản xuất ra và được biểu hiện trên hai mặt:

Về mặt định tính: Đó là bản thân yếu tố về vật chất phát sinh tiêu hao và tạo nên quá trình sản xuất và đạt được mục đích là tạo nên sản phẩm .

Về mặt định lượng: Đó là tiêu thức tiêu hao cụ thể của các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất và được biểu hiện bằng các thước đo khác nhau mà thước đo chủ yếu là thước đo tiền tệ.

Tóm lại: Chi phí được xem như là một chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Vấn đề đặt ra là làm sao kiểm soát được chi phí. Nhận diện, phân tích các chi phí là điều mấu chốt có thể ghi nhận, đo lường chính xác đầy đủ về các chi phí cũng như quản lý, kiểm soát tốt chi phí, từ đó có những quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm**

Trong quá trình sản xuất, chỉ là một mặt thể hiện sự hao phí. Để đánh giá chất lượng của hoạt động sản xuất thì cần phải xem xét các chi phí sản xuất trong quan hệ thứ hai và là mặt cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh và kết

quả thu được. Đó chính là chỉ tiêu giá thành sản phẩm. Vậy giá thành sản phẩm là gì?

Giá thành sản phẩm xác định cho từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ cụ thể và tính chính xác cho từng lao vụ đã hoàn thành, kết thúc toàn bộ quy trình sản xuất (thành phẩm) hoặc hoàn thành một giai đoạn công nghệ sản phẩm nhất định (bán thành phẩm).

Giá thành là một căn cứ quan trọng để xác định giá bán và xác định hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất, giá thành sản phẩm luôn chứa đựng hai mặt vốn có bên trong, nó là sản xuất đã chi ra và giá trị sử dụng đã thu được cấu thành trong khối lượng sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành. Giá thành có hai chức năng chủ yếu là chức năng đo bù đắp và chức năng lập giá. Toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để hoàn thành khối lượng sản phẩm, công việc phải bù đắp đúng số tiền về bán sản phẩm, lao vụ. Tuy nhiên, việc bù đắp các chi phí đầu vào đó mới chỉ đảm bảo quá trình tái sản xuất giản đơn, mục đích sản xuất và nguyên tắc kinh doanh trong cơ chế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải đảm bảo trang trải bù đắp mọi chi phí đầu tư vào quá trình sản xuất và có lãi. Vì vậy trong cơ chế thị trường giá bán sản phẩm không chỉ phụ thuộc vào quy luật cung cầu mà còn phải dựa trên cơ sở tính giá thành sản phẩm.

Ngoài hai chức năng quan trọng là bù đắp vào chi phí và xác định giá bán sản phẩm, giá thành còn giúp nhà quản trị doanh nghiệp và cơ sở để ra các quyết định đầu tư.

### **1.3. Phân loại chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất có nhiều loại, nên để thực hiện cho công tác quản lý và hạch toán cần thiết phải tiến hành phân loại chi phí sản xuất. Việc phân loại chi phí sản xuất giúp nhà quản trị dễ dàng hơn trong việc kiểm tra, phân tích quá trình phát sinh chi phí và hình thành sản phẩm, tính toán phương án sản xuất, tiết kiệm chi phí một cách tốt nhất để hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Về mặt hạch toán, chi phí sản xuất thường phân theo các tiêu thức sau:

*Phân loại chi phí theo tính chất, nội dung kinh tế:*

Theo cách phân loại này, những tiêu thức có cùng nội dung kinh tế được xếp chung vào một yếu tố chi phí, không kể chi phí sản xuất đó phát sinh ở đâu, cho hoạt động sản xuất kinh doanh nào. Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí cho quá trình sản xuất trong kỳ được phân thành loại sau:

*Chi phí nguyên vật liệu:* Là toàn bộ giá trị nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

*Chi phí nhân công:* Là tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) và các khoản phải trả khác cho lao động trong kỳ.

*Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Bao gồm toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp đã bỏ ra để chi trả cho các dịch vụ mua từ bên ngoài như: tiền điện, tiền nước, bưu phí... phục vụ cho sản xuất của doanh nghiệp

*Chi phí khấu hao TSCĐ:* Là phần giá trị hao mòn của tài sản cố định chuyển dịch vào chi phí sản xuất trong kỳ.

*Chi phí khác bằng tiền:* Là chi phí sản xuất kinh doanh khác chưa được phản ánh trong các chi phí trên nhưng đã chi bằng tiền, ví dụ: chi tiếp khách, hội nghị...

Cách phân loại này có tác dụng có tác dụng rất lớn trong việc quản lý chi phí, nó cho biết cấu tỉ trọng của từng yếu tố chi phí để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố, bản thuyết minh báo cáo tài chính cung cấp tài liệu tham khảo để lập dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch tiền lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động cho kỳ sau, cung cấp tài liệu để tính toán thu nhập quốc dân.

➤ **Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí.**

Theo cách phân loại này, căn cứ vào mục đích, công dụng của chi phí để chia ra các khoản mục chi phí khác nhau, những loại chi phí có cùng mục đích, công dụng sử dụng thì xếp chung vào một khoản mục, không phân biệt chi phí đó có nội dung kinh tế như thế nào. Chi phí phát sinh trong kỳ được chia ra thành các khoản mục như sau:

*Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* là biểu hiện bằng tiền những nguyên vật liệu chủ yếu tạo thành thực thể vật chất của sản phẩm như: sắt, thép, gỗ, vải, sợi,... Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được hạch toán trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí

*Chi phí nhân công trực tiếp:* là tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản trích theo bảng lương ( BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) và các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất. Chi phí nhân công trực tiếp được hạch toán vào các đối tượng chịu chi phí.

*Chi phí sản xuất chung:* là những chi phí để sản xuất ra những sản phẩm nhưng không kể đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- + Chi phí nhân viên quản lý
- + Chi phí vật liệu
- + Chi phí dụng cụ sản xuất
- + Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài

➤ **Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.**

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất căn cứ vào sự thay đổi của chi phí có sự thay đổi của mức độ hoạt động kinh doanh để phân loại, chi phí chia làm 3 loại là:

Chi phí khả biến ( Biến phí ): Là chi phí mà tổng của nó sẽ biến động khi mức độ hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp. Tuy nhiên nếu trong kỳ có sự thay đổi về khối lượng sản phẩm sản xuất thì chi phí cố định trên một đơn vị sản phẩm sẽ biến động tương quan tỉ lệ nghịch với biến động của của sản phẩm.

Chi phí hỗn hợp: Là chi phí mà thành phần của nó bao gồm cả yếu tố bất biến và yếu tố khả biến. Ở mức độ căn bản, chi phí hỗn hợp thường thể hiện các đặc điểm của định phí. Ở mức độ hoạt động vượt qua mức căn bản, nó thể hiện tính biến phí.

Cách phân loại này có tác dụng lớn đối với quản trị kinh doanh, phân tích điểm hòa vốn và phục vụ cho việc đưa ra quyết định quản lý là cần thiết để hạ giá thành sản phẩm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

➤ **Phân loại chi phí theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí.**

Theo cách phân loại này chi phí phân làm 2 loại:

*Chi phí trực tiếp*: Là những chi phí có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng chịu chi phí và được hạch toán vào đối tượng có liên quan. Thông thường chi phí trực tiếp là những chi phí đơn nhất, cấu tạo bởi yếu tố như: chi phí nguyên liệu, chi phí tiền lương... Chi phí trực tiếp thường được đo lường, ghi nhận chính xác cho từng đối tượng nên không tạo sự sai lệch về chi phí này khi tính giá thành sản phẩm.

*Chi phí gián tiếp*: Là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí, do đó nó được phân bổ vào các đối tượng có liên quan đến tiêu thức nhất định. Chi phí này kế toán phải tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan theo một tiêu thức thích hợp. Chi phí gián tiếp là những chi phí tổng hợp của nhiều chi phí đơn nhất. Chi phí gián tiếp khó đo lường, ghi nhận chính xác cho từng đối tượng. Vì vậy chi phí gián tiếp thường tạo nên sự khác biệt giữa thực tế

phát sinh và mức phân bổ chi phí gián tiếp vào hạ giá thành do sử dụng nội dung cách tiêu thức, phương pháp phân bổ khác nhau.

Ngoài cách phân loại trên chi phí sản xuất có thể được phân loại theo cách kết chuyển chi phí sản phẩm và tính thời kỳ, hoặc có thể phân loại theo nội dung cấu thành của chi phí thành chi phí tổng hợp...

#### **1.4. Phân loại giá thành sản phẩm**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, hạch toán và kế toán giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau:

➤ **phân loại giá thành theo thời điểm phân tích giá thành.**

*Giá thành kế hoạch:* Là giá thành được tính trước khi bắt đầu sản xuất kinh doanh cho tổng sản phẩm kế hoạch dựa trên chi phí định mức của kỳ kế hoạch.

*Giá thành định mức:* Là giá thành được tính trước khi bắt đầu sản xuất kinh doanh cho 1 đơn vị sản phẩm và được xác định trên cơ sở định mức chi phí hiện hành tại thời điểm nhất định trong kỳ, thường vào đầu tháng.

*Giá thành thực tế:* Là giá thành được xác định sau khi đã hoàn thành việc chế tạo sản xuất trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh và kết quả sản xuất kinh doanh thực tế đạt được. Giá thành thực tế chỉ là chỉ tiêu phản ánh tổng hợp kết quả phân đầu của doanh nghiệp trong việc tổ chức sử dụng các biện pháp kinh tế kỹ thuật để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm.

Cách phân loại này giúp cho việc quản lý và giám sát chi phí xác định được các nguyên liệu vượt ( hụt ) định mức trong kỳ hạch toán từ đó có kinh nghiệm điều chỉnh phù hợp.

➤ **Phân loại giá thành theo nội dung kinh tế cấu tạo giá thành.**

Theo cách phân loại này trong kế toán tài chính cần phân biệt hai loại giá thành. Đó là giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

*Giá thành sản xuất:* Là toàn bộ chi phí sản xuất liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{Giá thành} & = & \text{phẩm dở dang} & + & \text{phát sinh trong} & - & \text{phẩm dở dang} \\ \text{sản xuất} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Giá thành sản xuất được sử dụng để hạch toán thành phẩm nhập kho và giá vốn hàng bán ( trong trường hợp bán thẳng không nhập kho) giá thành sản xuất là căn cứ xác định giá vốn hàng bán và mức lãi gộp trong kỳ ở các doanh nghiệp.

Giá thành toàn bộ: Là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến một khối lượng sản phẩm hoàn thành từ sản xuất đến khi tiêu thụ xong sản phẩm.

$$\text{Giá thành toàn bộ} = \text{Chi phí sản xuất} + \text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

Giá thành toàn bộ là căn cứ để tính toán xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp

Cách phân loại này giúp nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên, doanh nghiệp hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bảo hiểm và chi phí số lượng cho từng mặt hàng, dịch vụ. Nên cách phân bổ này chỉ mang ý nghĩa học thuật, nghiên cứu.

### 1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành sản phẩm.

*Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:* Là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất. Thực chất của xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là xác định chi phí phát sinh ở những nơi nào ( phân xưởng, quy trình sản xuất...) và thời kỳ chi phí phát sinh trong kỳ hay kỳ trước để ghi nhận vào nơi nhận chi phí (sản phẩm A,B,...)

*Đối tượng tính giá thành sản phẩm:* Là khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhất định mà doanh nghiệp cần tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Để xác định được đối tượng tính giá thành gắn liền với giải quyết hai vấn đề cơ bản. Thứ nhất: về mặt kỹ thuật, khi nào sản phẩm, dịch vụ được công nhận là hoàn thành, thứ hai: khi nào cần thông tin tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Để phân biệt đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành thì phải dựa vào các yếu tố sau đây:

#### ➤ Căn cứ vào quy trình công nghệ: Giảm bớt hay phức tạp

*Nếu quy trình sản xuất là giản đơn:* Thì đối tượng tập hợp chi phí là sản phẩm hay nhóm sản phẩm. Đối tượng tính giá thành ở đây là từng sản phẩm, từng công việc sản xuất hay đó là sản phẩm cuối cùng.

*Nếu quy trình sản xuất phức tạp:* tức là quy trình sản xuất sản phẩm trải qua nhiều quy trình khác nhau. Thì đối tượng tập hợp chi phí có thể theo từng giai đoạn chi phí hay phân xưởng hoặc từng chi tiết. Còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở bước chế tạo.

➤ **Căn cứ vào loại hình sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt**

Đối với loại hình sản xuất đơn (đơn chiếc): Thì đối tượng tính giá thành và đối tượng tập hợp chi phí là theo từng đơn đặt hàng, đối với loại hình sản xuất hàng loạt: Thì hoàn toàn phụ thuộc vào quá trình sản xuất đơn hay phức tạp để xác định đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành.

➤ **Căn cứ theo yêu cầu quản lý, trình độ năng lực quản lý doanh nghiệp**

*Đối với doanh nghiệp hạch toán kinh tế nội bộ từng phân xưởng, từng công đoạn sản xuất:* thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phân xưởng, công đoạn sản xuất.

*Tóm lại:* Chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu trọng tâm trong kế toán doanh nghiệp. Do đó có tính đúng, đủ chi phí sản xuất vào giá thành thì mới đủ phát huy được tác dụng của công tác kế toán đối với quản lý sản xuất.

*Kỳ tính giá thành sản phẩm:* Là khoảng thời gian cần thiết phải tiến hành tập hợp, tổng chi phí sản xuất và tính tổng giá thành, giá thành đơn vị.

Doanh nghiệp căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh để xác định kỳ tính giá thành, thông thường:

Nếu doanh nghiệp sản xuất với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục thì kỳ tính giá thành là hàng tháng.

Nếu doanh nghiệp tổ chức đơn chiếc hoặc hàng loạt theo đơn đặt hàng chu kỳ sản xuất dài thì tính giá thành vào thời điểm kết thúc chu kỳ sản xuất hoặc sản xuất hàng loạt sản phẩm hoàn thành.

Xác định chu kỳ tính giá thành giúp cho kế toán xác định rõ khoảng thời gian phát sinh chi phí, thời gian tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm để thu thập, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính, phục vụ cho việc hoạch định của nhà quản lý trong từng thời kỳ.

## **1.6. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất**

### **1.6.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.**

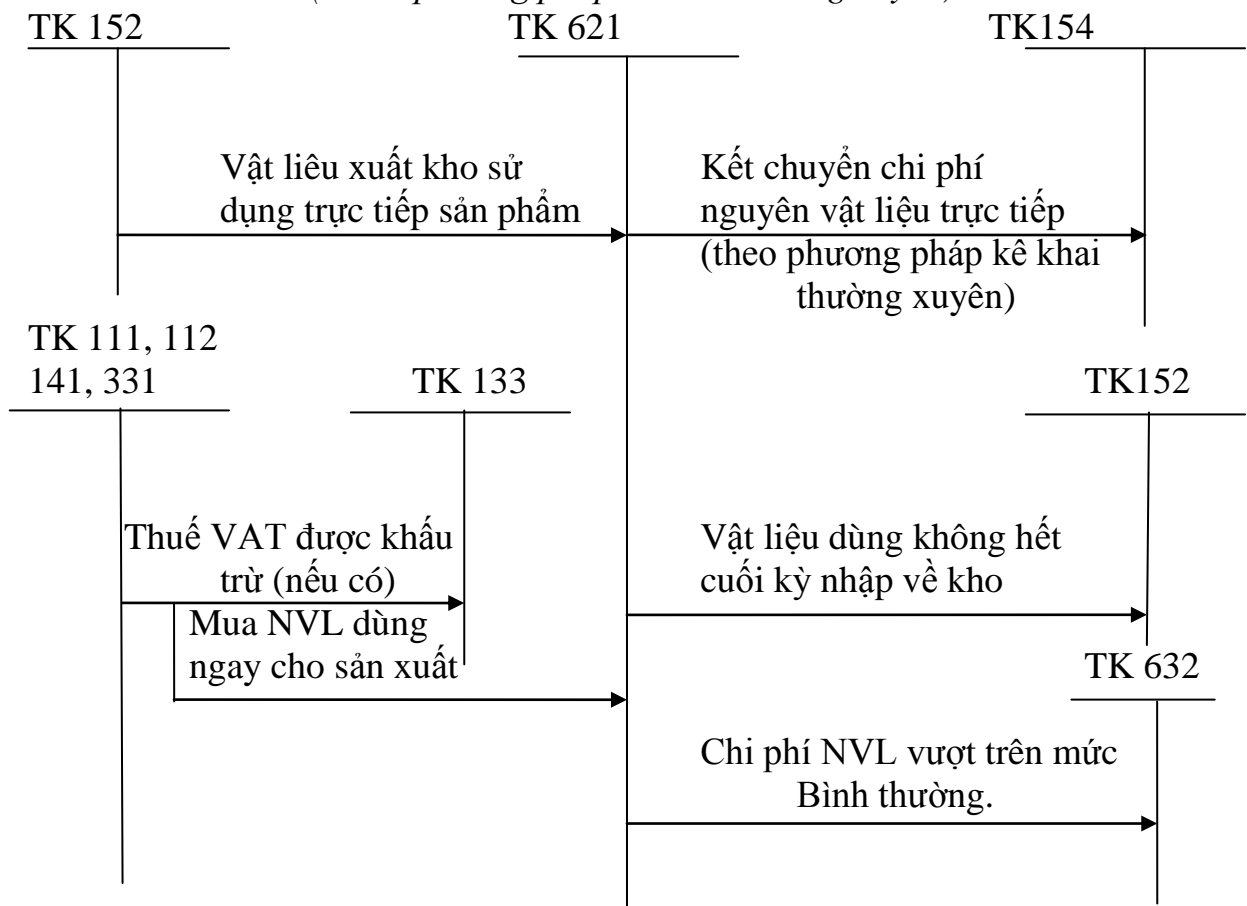
- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là chi phí bao gồm giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu,... được xuất dùng trực tiếp cho việc chế tạo sản phẩm, để theo dõi các loại chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng TK 621 “chi phí nguyên vật trực tiếp”.



- *Kết cấu TK 621*
- + Bên Nợ: Trị giá thực tế nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất sử dụng cho sản xuất sản phẩm hoặc thực hiện công việc lao vụ, dịch vụ trong kỳ.
- + Bên Có: Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp đã sử dụng không hết nhập về kho, trị giá thu hồi kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp TK 154.
- + TK 621 không có số dư đầu kỳ.

Việc hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tiến hành theo **sơ đồ 1.1**

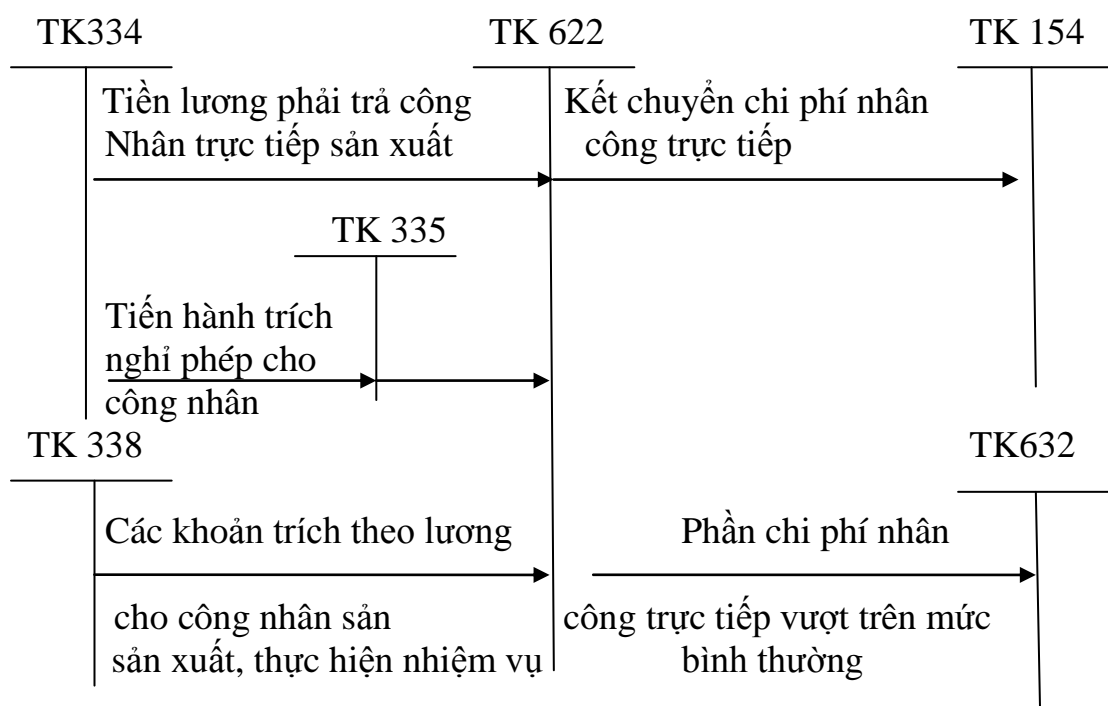
**Sơ đồ 1.1:** *Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp  
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)*



**1.6.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp**

- Chi phí nhân công trực tiếp là khoản phải trả cho nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm. Bao gồm tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp và các khoản trích theo lương ( BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ). Để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK 622 “ Chi phí nhân công trực tiếp”
- Kết cấu TK 622
  - + Bên Nợ: Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh.
  - + Bên Có: Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp ( TK 154 áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên)
  - + TK 622 cuối kỳ không có số dư.
- Việc hạch toán chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ 1.2

**Sơ đồ 1.2:** Sơ đồ hạch toán tổng hợp chi phí nhân công trực tiếp  
( Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

**1.6.3. Kế toán lập chi phí sử dụng máy thi công**

*Nội dung:*

Máy thi công là loại máy chạy bằng động lực sử dụng trực tiếp để thi công sản xuất các công trình.

Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc sản xuất theo phương thức thi công hỗn hợp. Không hạch toán

vào các khoản mục chi phí này các khoản trích theo lương của công nhân sử dụng máy thi công

*TK sử dụng:*

TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công

- Tập hợp chi phí liên quan tới máy thi công thực tế phát sinh	- Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công vào bên nợ tài khoản 154
--	---

- Tài khoản 623 được tổ chức các tài khoản cấp 2 như sau:

TK 6231 – Chi phí nhân công trực tiếp

TK 6232 – Chi phí nguyên vật liệu

TK 6233 – Chi phí công cụ sản xuất

TK 6234 – Chi phí khấu hao

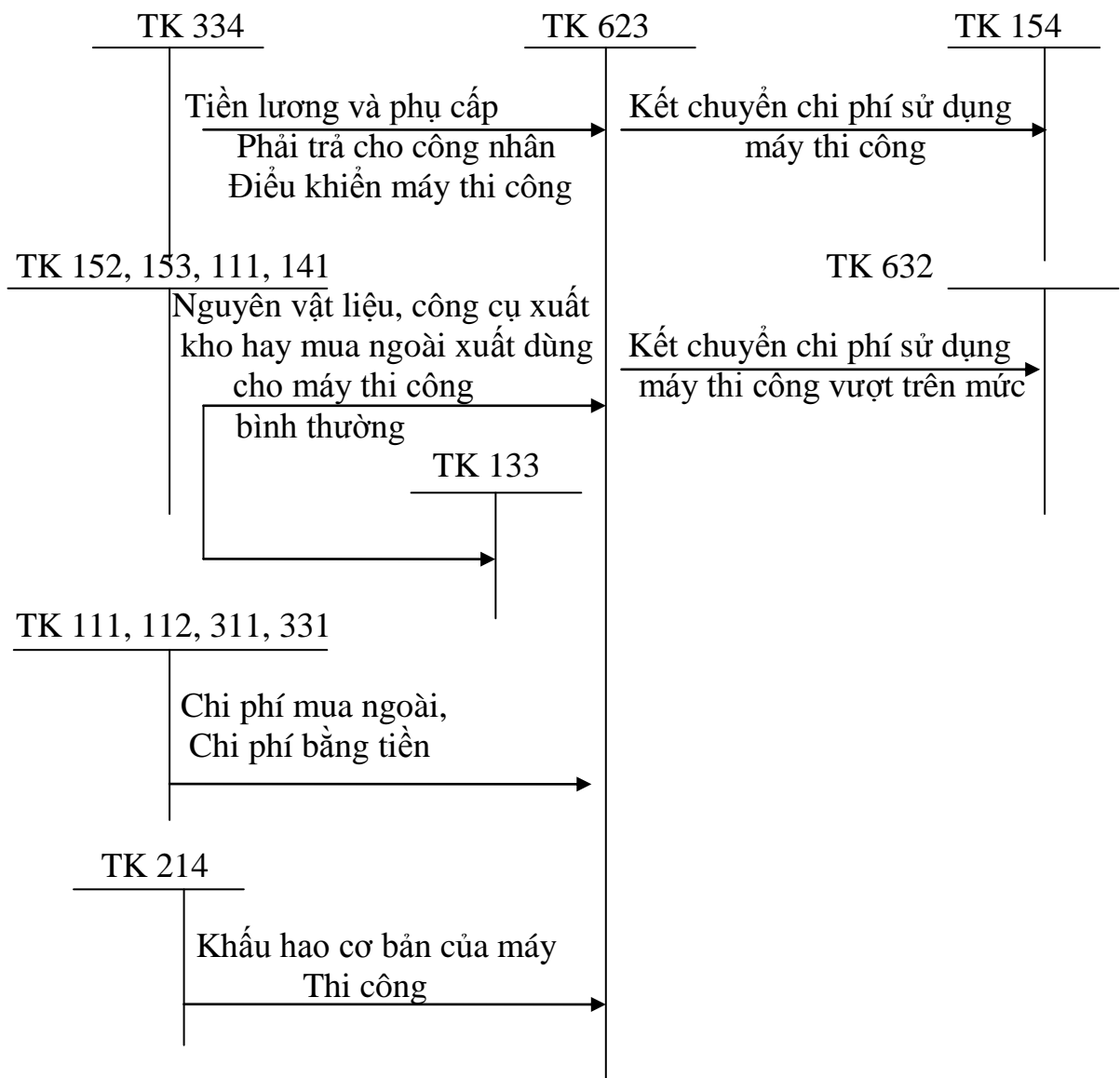
TK 6237 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6238 – Chi phí bằng tiền khác

Phương pháp hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:

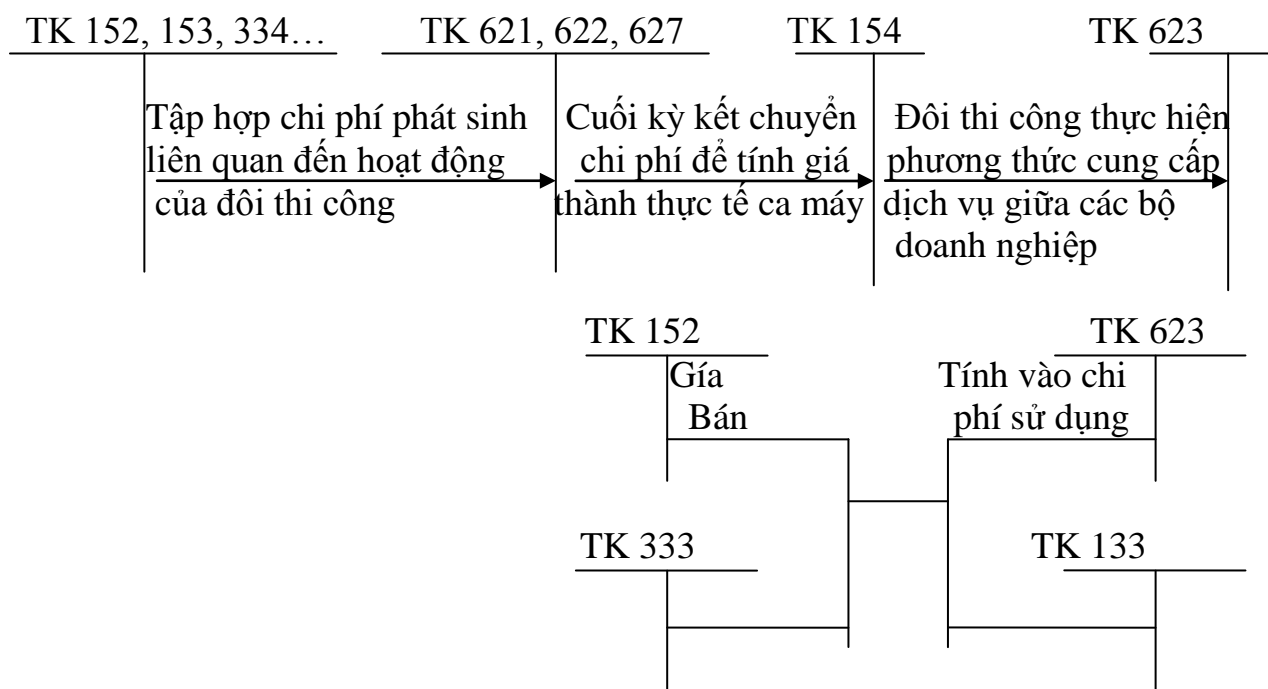
Trường hợp 1: Doanh nghiệp tổ chức đội máy thi công riêng, không hạch toán độc lập:

**Sơ đồ 1.3:** *Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công*



Trong trường hợp 2: Doanh nghiệp tổ chức bộ máy thi công riêng, hạch toán độc lập:

**Sơ đồ 1.4:** Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công



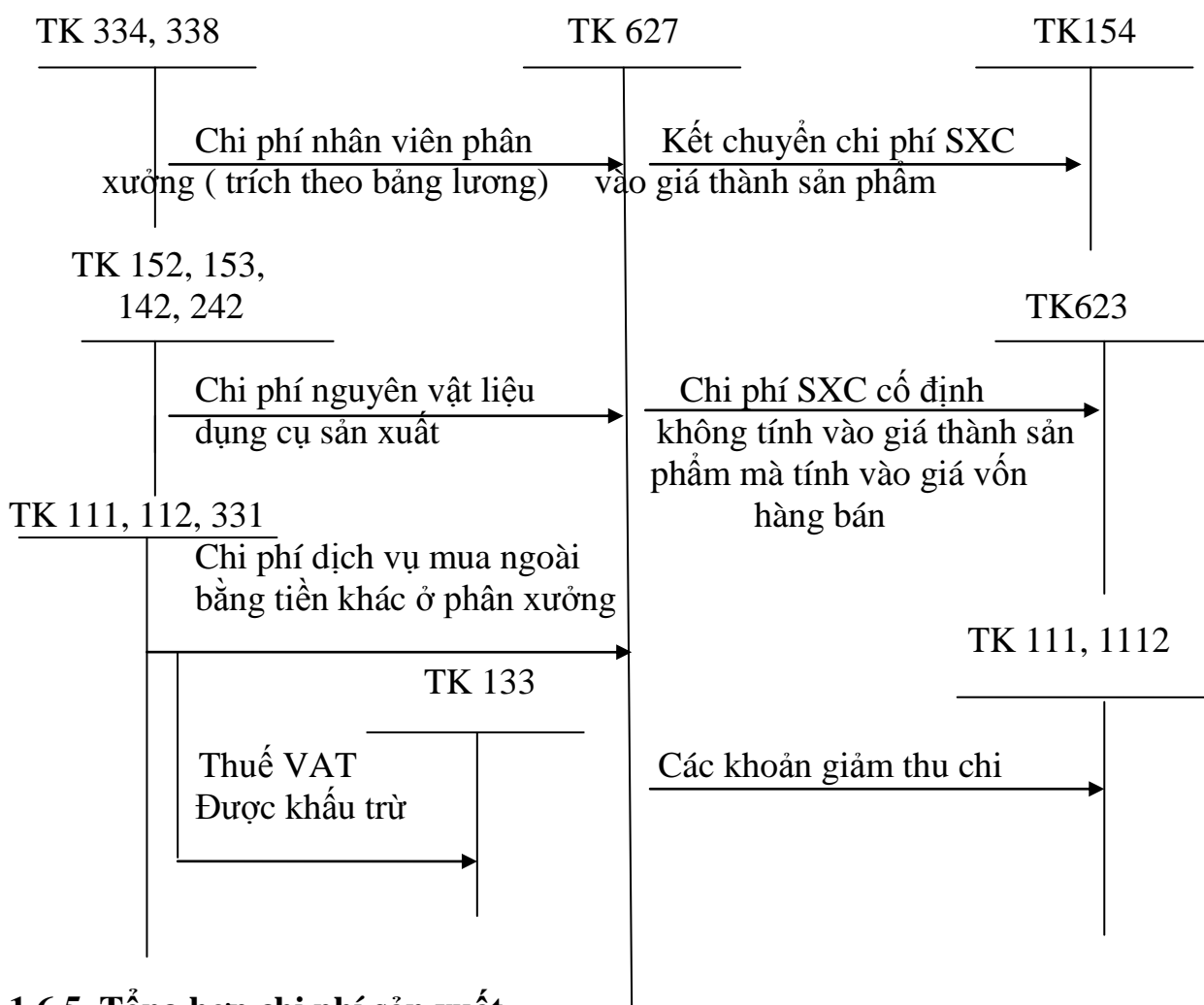
#### 1.6.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung

- Chi phí sản xuất chung là những chi phí phục vụ quản lý sản xuất với từng loại phân xưởng sản xuất. Bao gồm:
  - + Chi phí nhân viên phân xưởng
  - + Chi phí vật liệu, dụng cụ sản xuất
  - + Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng
  - + Chi phí dịch vụ mua ngoài
  - + Chi phí khác bằng tiền.

Để theo dõi chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng tài khoản 627 “ chi phí sản xuất chung”

- Kết cấu TK 627
  - + Bên Nợ: Chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ.
  - + Bên Có: Các khoản ghi giảm chi phí, chi phí chung được và không được phân bổ kết chuyển.
- + Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Việc hạch toán chi phí sản xuất chung được thể hiện qua sơ đồ 1.3

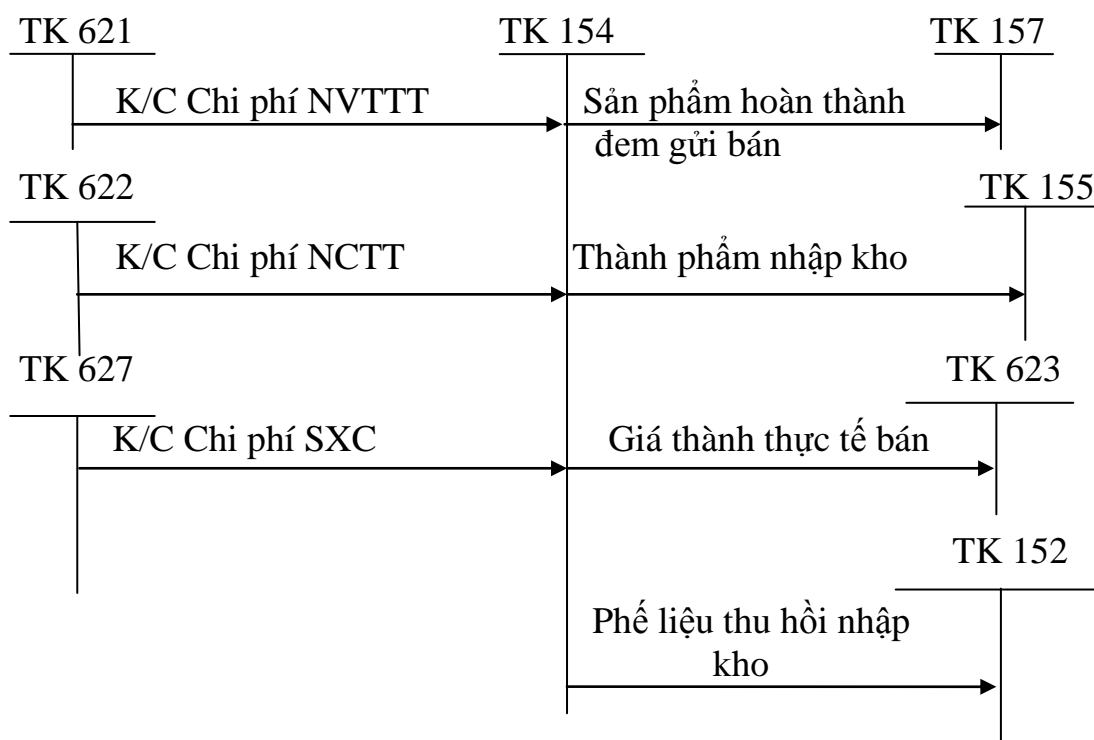
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ tổng hợp chi phí sản xuất chung**1.6.5. Tổng hợp chi phí sản xuất****1.6.5.1. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp KCTX.**

Trên cơ sở hạch toán và phân bổ các loại chi phí sản xuất (Chi phí sản phẩm) từ đó tổng hợp vào bên nợ TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” TK 154 được mở chi tiết theo từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm... của các bộ phận sản xuất kinh doanh chính, sản xuất – kinh doanh phụ

- Kết cấu TK 154
- + Bên Nợ: Tổng hợp các chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ
- + Bên Có: Các khoản giảm chi phí sản phẩm, tổng giá thành sản phẩm thực tế hay chi phí thực tế của sản phẩm đã hoàn thành.
- + Dư cuối kỳ: Chi phí sản xuất chưa hoàn thành cuối kỳ

Quá trình tổng hợp chi phí sản xuất được tiến hành theo Sơ đồ 1.6

**Sơ đồ 1.6:** Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKTX

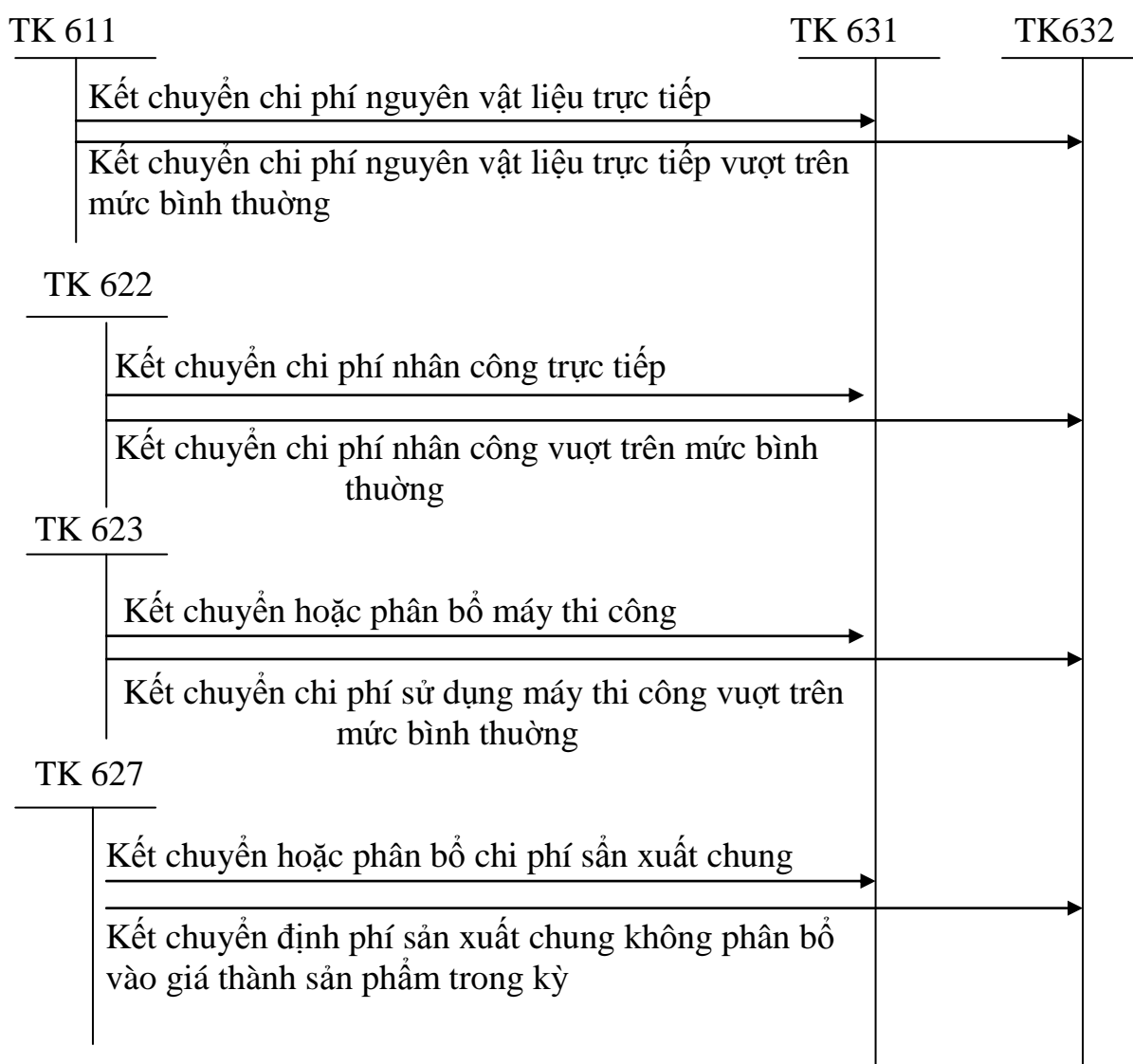


### 1.6.5.2. Kế toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, các TK 621, 622, 627 được dùng để tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Tuy nhiên TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” chỉ phản ánh chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Việc tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm được thực hiện trên TK 631 “Giá thành sản xuất”.

- Kết cấu TK 631:
- + Bên Nợ: Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ  
Tổng hợp chi phí thực tế trong kỳ
- + Bên Có: Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154  
Giá thành sản phẩm nhập kho kết chuyển vào TK 632\_Giá vốn  
Quá trình tổng hợp chi phí sản xuất được tiến hành theo sơ đồ 1.5

**Sơ đồ 1.7:** Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp KKĐK



### 1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là hoặc hệ thống các phương pháp, kỹ thuật để tính tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm. Căn cứ vào đặc điểm sản xuất và đối tượng tính giá thành, yêu cầu quản lý về giá thành. Kế toán có thể lựa chọn phương pháp tính giá thành thích hợp.

Do có sự khác nhau cơ bản giữa các đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Nó mang ý nghĩa thuần túy, kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Tùy thuộc vào đặc điểm của quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp,



yêu cầu quản lý và hạch toán của các doanh nghiệp mà kế toán lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp.

### 1.7.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn ( Phương pháp trực tiếp)

Phương pháp giản đơn được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như: nhà máy điện, nước,... Đối tượng chi phí sản xuất là từng loại sản phẩm, dịch vụ. Đối tượng kế toán chi phí trùng với đối tượng hạch toán giá thành.

Ngoài phương pháp này còn được áp dụng cho những doanh nghiệp tuy có quy trình sản xuất phức tạp nhưng sản xuất với khối lượng lớn và ít loại sản phẩm, mỗi loại sản phẩm được sản xuất trong một phân xưởng riêng biệt.

Giá thành theo phương pháp này được tính bằng công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản phẩm} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất}}{\text{Khối lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

### 1.7.2. Phương pháp hệ số

Phương pháp hệ số áp dụng trong những doanh nghiệp mà trong cùng một quá trình sản xuất, sử dụng cùng nguồn lực kinh tế đầu vào như: vật tư, lao động, máy móc thiết bị sản xuất, ... nhưng kết quả tạo ra nhiều loại sản phẩm khác nhau và những loại sản phẩm này có kết cấu tính giá thành có thể quy đổi được theo hệ số.

Để tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành: Đối tượng tập hợp chi phí là phân xưởng hay quy trình công nghệ sản xuất. Đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm chính hoàn thành.

Để xác định được các phương pháp hệ số thì doanh nghiệp phải xây dựng được hệ số của từng sản phẩm. Dựa trên cơ sở khoa học như: trọng lượng, kích thước... trên cơ sở kế toán tập hợp chi phí sản xuất có thể tính được giá thành đơn vị các loại sản phẩm giống như sản phẩm trực tiếp.

$$\text{Tổng sản phẩm chuẩn} = \sum \frac{\text{Số lượng sản phẩm (i)}}{\text{hoàn thành}} \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm (i)}$$

*i*: là từng loại sản phẩm trong nhóm

$$\text{Tổng giá thành của tất cả các loại sản phẩm} = \text{Giá trị SPDD đầu kỳ} + \text{CPSX thực tế phát sinh trong kỳ} - \text{Giá trị SPDD cuối kỳ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành chuẩn}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm (i)} = \frac{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn}}{\text{Hệ số quy đổi sản phẩm (i)}}$$

### 1.7.3. Phương pháp tỉ lệ

Phương pháp tỉ lệ được áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất dệt... Để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tập hợp chi phí theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỉ lệ giữa các chi phí sản xuất với chi phí kế hoạch (định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành đơn vị và tính tổng giá thành cùng loại.

Đối tượng tập hợp chi phí là từng nhóm sản phẩm cùng loại. Đối =

Tính tổng giá thành thực tế nhóm sản phẩm theo từng khoản mục CPSX

$$\text{Tổng giá thành thực tế của nhóm sản phẩm} = \frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ của nhóm sản phẩm}}{\text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của nhóm sản phẩm}} + \frac{\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ của nhóm sản phẩm}}{\text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ của nhóm sản phẩm}}$$

Tính tổng giá thành kế hoạch nhóm sản phẩm theo từng khoản mục CPSX

$$\text{Tổng giá thành kế hoạch nhóm sản phẩm} = \sum \frac{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành của sản phẩm (i)}}{\text{Giá thành kế hoạch của sản phẩm (i)}}$$

Tính tỉ lệ giá thành theo từng khoản mục chi phí và nhóm sản phẩm:

$$\text{Tỷ lệ giá thành} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch}}$$

+ Tính giá thành đơn vị sản phẩm:

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \text{Tỷ lệ giá thành} \times \text{Giá thành kế hoạch hoặc định mức sản phẩm}$$

+ Tính tổng giá thành sản phẩm

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} \times \text{Giá thành đơn vị sản phẩm}$$

### 1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm còn đang trong quá trình sản xuất, gia công trên các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy chế chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành sản phẩm. Để tính giá thành sản phẩm, doanh nghiệp cần phải tiến hành kiểm kê và đánh giá sản phẩm dở dang.

Đánh giá SPDD là tính toán xác định chi phí sản xuất mà SPDD cuối kỳ phải chịu. Tùy theo đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ và tính chất sản phẩm mà doanh nghiệp có thể áp dụng một trong những phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang sau:

#### 1.8.1. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chỉ tính toán vào chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, các chi phí còn lại như: chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được tính toàn bộ vào chi phí sản phẩm hoàn thành.

Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được áp dụng ở những quy trình sản xuất có chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất và khối lượng sản phẩm dở dang qua các kỳ ít biến động.

+ Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp này được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

Trong những công thức trên, nếu chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh toàn bộ ngay từ đầu quy trình sản xuất, tỷ lệ sản hoàn thành của khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp trong sản phẩm dở dang cuối kỳ là 100%.

Ngoài ra trong trường hợp chi phí nguyên vật liệu chính chiếm met tỷ trọng lớn, để đơn giản, chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ có thể được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu chính

Phương pháp này sử dụng thích hợp ở những doanh nghiệp có chi phí vật liệu chính hoặc giá thành bán thành phẩm của giai đoạn trước chuyển sang chiếm một tỉ trọng rất lớn trong tổng chi phí của mỗi giai đoạn.

### 1.8.2. Xác định giá trị sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương

Theo phương pháp này, ta dựa vào mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang ra sản phẩm hoàn thành (Hoàn thành tương đương). Để đảm bảo tính chính xác của việc tính giá, phương pháp này chỉ nên áp dụng để tính các chi phí chế biến còn các chi phí nguyên vật liệu chính phải được xác định theo số thực tế đã dùng

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí NVL} \\ \text{trong sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí NVL trong sản} \\ \text{phẩm dở dang đầu kỳ} \\ \text{hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí NVL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{+} \\ \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Phần chi phí nguyên vật liệu chính được phân bổ đều 100% cho sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành, được tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ theo số lượng sản phẩm dở dang thực tế:

Chi phí chế biến được phân bổ cho sản phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành thực tế:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí chế} \\ \text{biến trong dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí chế biến phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{+} \\ \text{Số lượng sản phẩm hoàn} \\ \text{thành tương đương} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{sản} \\ \text{phẩm dở} \\ \text{dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{hoàn thành tương} \\ \text{đương} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức độ hoàn thành} \end{array}$$

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \text{Tổng chi phí sản xuất nằm trong sản phẩm dở dang cuối kỳ}$$

Khi áp dụng phương pháp kế toán này kết quả tính toán giá trị sản phẩm dở dang mang tính chính xác cao. Tuy nhiên, khối lượng tính toán lớn nên tốn khá nhiều thời gian và công sức. Mặt khác, việc xác định mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở dang là một công việc phức tạp mang tính chủ quan.

Vì vậy, phương pháp này chỉ thích hợp khi các chi phí chế biến chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu tính giá thành, khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ nhiều, biến động lớn hơn so với đầu kỳ.

### 1.8.3. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo 50% chi phí chế biến

Phương pháp này tương tự như phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ hoàn thành tương đương, chỉ có một điểm khác là chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được giả định đã hoàn thành ở mức độ 50% so với thành phẩm đối với tất cả các khoản mục chi phí chế biến.

### 1.8.4. Xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức ( hoặc kế hoạch)

Phương pháp này chỉ áp dụng cho những doanh nghiệp đã xây dựng được chi phí sản xuất hay giá thành định mức và có sản phẩm dở dang cuối kỳ là khá ổn định về mức độ hoàn thành lẫn khối lượng,.

Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang, mức độ hoàn thành và chi phí sản xuất định mức ở từng công đoạn sản xuất để tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

$$\text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ} = \sum \text{Số lượng SPDD} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành} \times \text{Định mức chi phí sản xuất}$$

## 1.9. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm.

### 1.9.1. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, bán thành phẩm, lao vụ do doanh nghiệp sản xuất đã hoàn thành, đã xác định được tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế theo các khoản quy định.

Xác định đối tượng tính giá thành đúng đắn, phù hợp với điều kiện đặc điểm của doanh nghiệp sẽ giúp cho kế toán mở sổ kế toán, lập bảng tính theo hoạt động cần quản lý, kiểm tra đáp ứng nhu cầu quản lý nội bộ doanh nghiệp,

lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp. Xác định đối tượng tính giá thành cần căn cứ vào các đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp.

Căn cứ vào quá trình sản xuất kinh doanh, loại sản phẩm của doanh nghiệp, đối tượng tính giá thành là sản phẩm ở cuối công nghệ nếu quy trình giản đơn, là thành phẩm ở bước chế tạo cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng bước chế tạo nếu quy trình công nghệ phức tạp theo kiểu chế biến liên tục, là chi tiết, bộ phận sản phẩm hoàn thành và thành phẩm cuối cùng đã hoàn thành đối với sản phẩm công nghệ phức tạp kiểu song song.

### **1.9.2 Kỳ giá thành sản phẩm**

Kỳ tính giá thành sản phẩm là thời kỳ bộ phận kế toán cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho đối tượng tính giá. Xác định giá thành thường căn cứ vào đặc điểm, chu kỳ sản xuất và theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Theo đó, kỳ tính giá thành có thể là tháng, quý đối với doanh nghiệp sản xuất giản đơn hay sản xuất phức tạp.

Nếu sản xuất theo đơn đặt hàng thì kỳ tính giá thành là thời điểm kết thúc, hoàn thành đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kinh doanh...

### **1.9.3 Phương pháp tính giá thành**

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp hoặc hệ thống các phương pháp được sử dụng để tính giá thành của đơn vị sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành.

Tùy vào đặc điểm của đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính toán giá thành sản phẩm mà lựa chọn phương pháp tính giá thành sẽ góp phần vào việc hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ, tăng nhanh vòng quay vốn và đem lại lợi nhuận ngày càng nhiều của doanh nghiệp.

Phương pháp giản đơn ( Phương pháp trực tiếp)

Phương pháp này căn cứ trực tiếp vào số chi phí sản xuất thực tế phát sinh đã tập hợp được cho từng đối tượng chịu chi phí, số chi phí sản xuất tính cho số lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ cũng như kết quả sản phẩm để tính ra giá thành thực tế của toàn bộ sản phẩm và đơn vị sản phẩm theo công thức.

### **1.9.4 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.**

Các khoản thiệt hại trong sản xuất bao gồm thiệt hại về sản phẩm hỏng và thiệt hại do ngừng sản xuất.

**1.9.4.1. Hạch toán các khoản thiệt hại về sản phẩm hỏng.****Căn cứ vào tiêu chuẩn kỹ thuật, sản phẩm hỏng gồm:**

*Sản phẩm hỏng sửa chữa được:* Là sản phẩm hỏng xét về mặt kỹ thuật có thể sửa chữa được và xét về mặt kinh tế thì chi phí sửa chữa không vượt quá chi phí chế tạo (giá thành), việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

*Sản phẩm hỏng không sửa chữa được:* Là những sản phẩm xét về mặt về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc có thể sửa chữa được, nhưng xét về mặt kinh tế thì bất lợi, chi phí sửa chữa lớn hơn chi phí chế tạo mới sản phẩm.

**Căn cứ vào định mức, quan hệ và hạch toán, lập kế hoạch:**

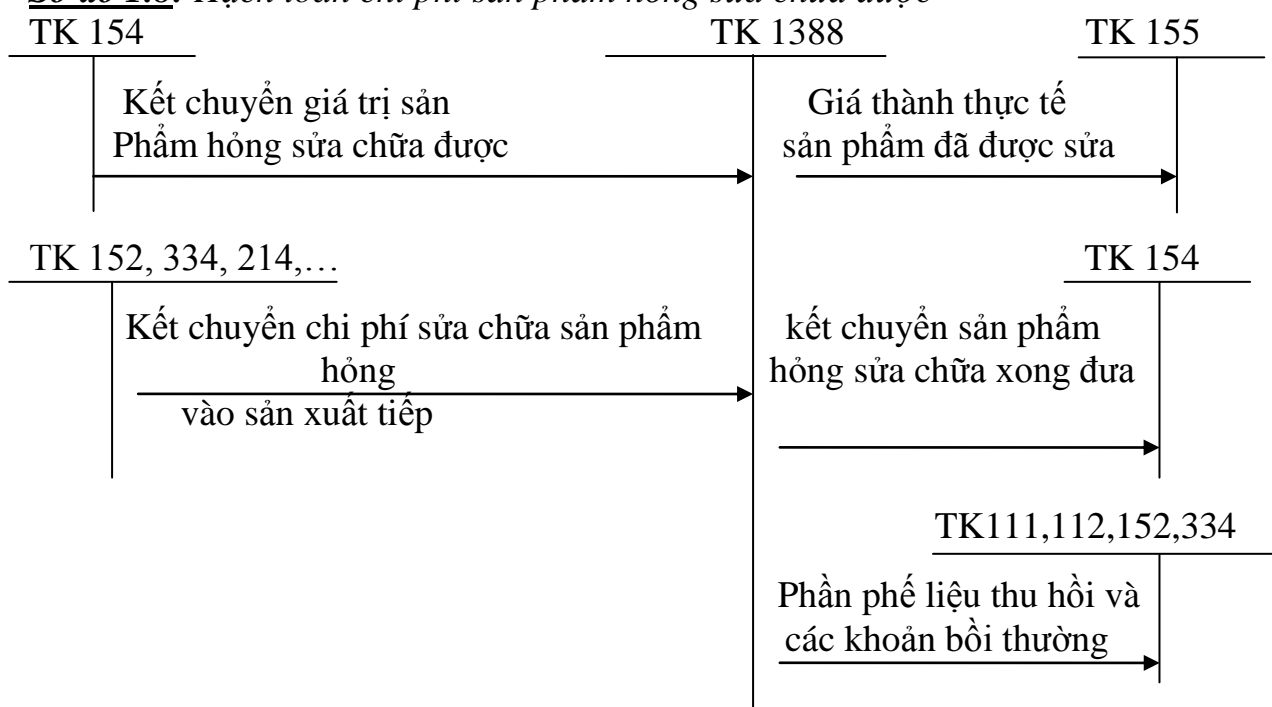
*Sản phẩm hỏng trong định mức:* Là loại sản phẩm hỏng không thể tránh được trong quy trình sản xuất. Các nhà quản lý chấp nhận 1 tỷ lệ sản phẩm hỏng để khống chế, kiểm soát loại bỏ chi phí thiệt hại.

*Sản phẩm hỏng ngoài định mức:* Là những sản phẩm hỏng nằm ngoài dự kiến của nhà sản xuất, không thể dự kiến trước được do nguyên nhân bất thường NVL không đảm bảo chất lượng, máy móc thiết bị hư hỏng đột xuất...

Thiệt hại sản phẩm hỏng trong định mức được xem như chi phí sản xuất thành phẩm trong kỳ.

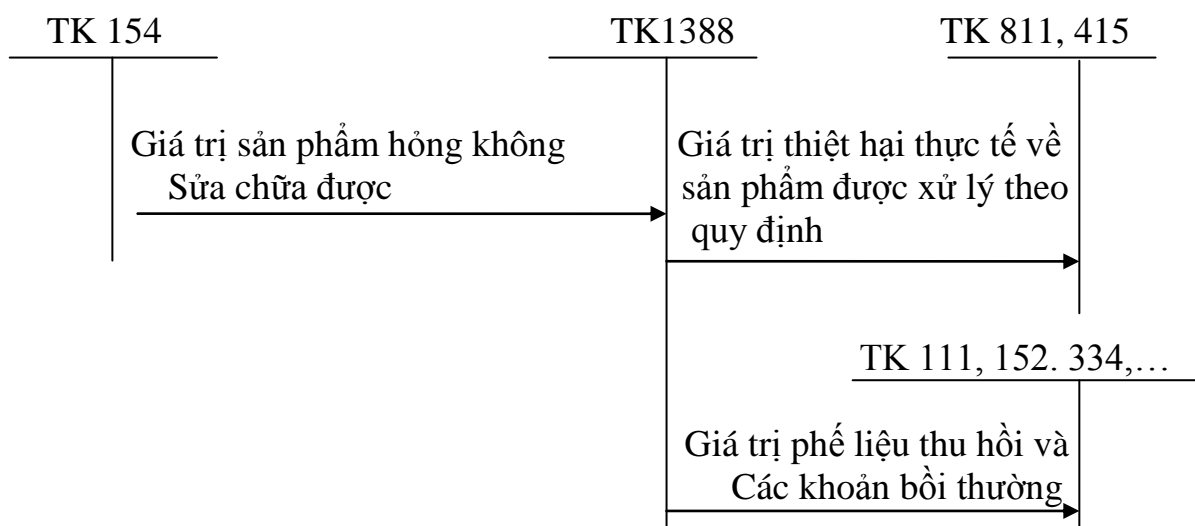
Thiệt hại sản phẩm hỏng trong định mức được xem như chi phí sản xuất thành phẩm trong kỳ.

Việc hạch toán thiệt hại về sản phẩm hỏng sửa chữa được, được thể hiện qua sơ đồ 1.8

***Sơ đồ 1.8:* Hạch toán chi phí sản phẩm hỏng sửa chữa được**

Sản phẩm hỏng không thể sửa chữa được: Những sản phẩm mà về mặt kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc có thể sửa chữa được nhưng không có về lợi về mặt kinh tế.

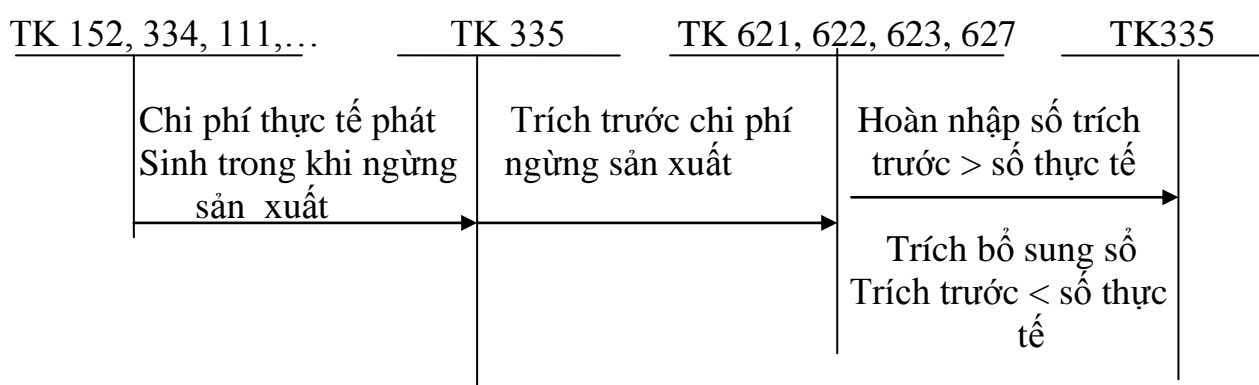
**Sơ đồ 1.9:** Sơ đồ hạch toán chi phí sản phẩm hỏng không sửa chữa được



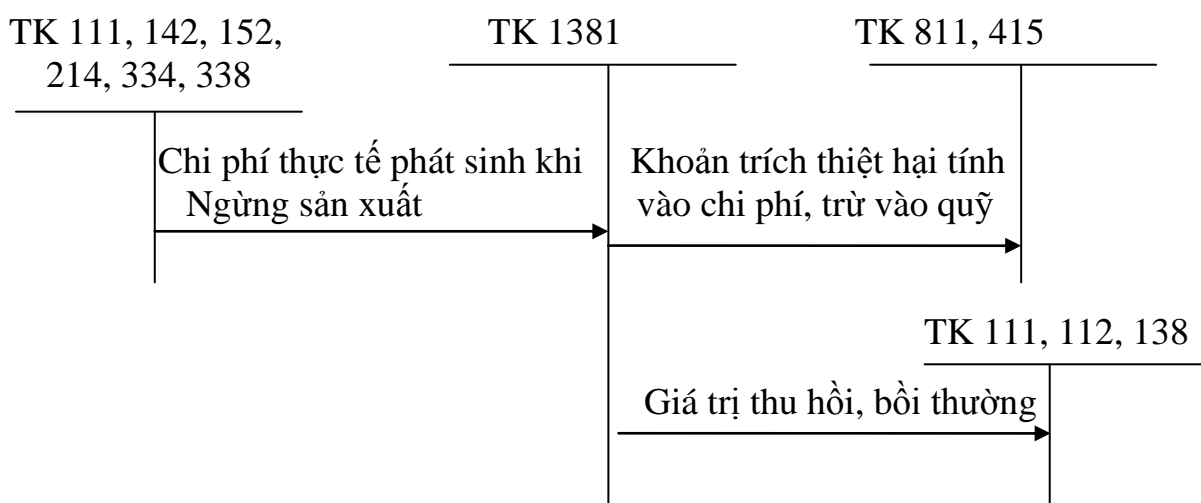
**1.9.4.2. Hạch toán các khoản thiệt hại do ngừng sản xuất.**

Trong thời gian ngừng sản xuất vì những nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan (thiệt hại về thiên tai, hỏa hoạn, thiếu nguyên vật liệu,...) các doanh nghiệp vẫn phải bỏ ra một số khoản chi phí để duy trì hoạt động như tiền công lao động, khấu hao TSCĐ, chi phí bảo dưỡng... đó được coi là những thiệt hại khi ngừng sản xuất. Chi phí thiệt hại ngừng sản xuất có 2 trường hợp

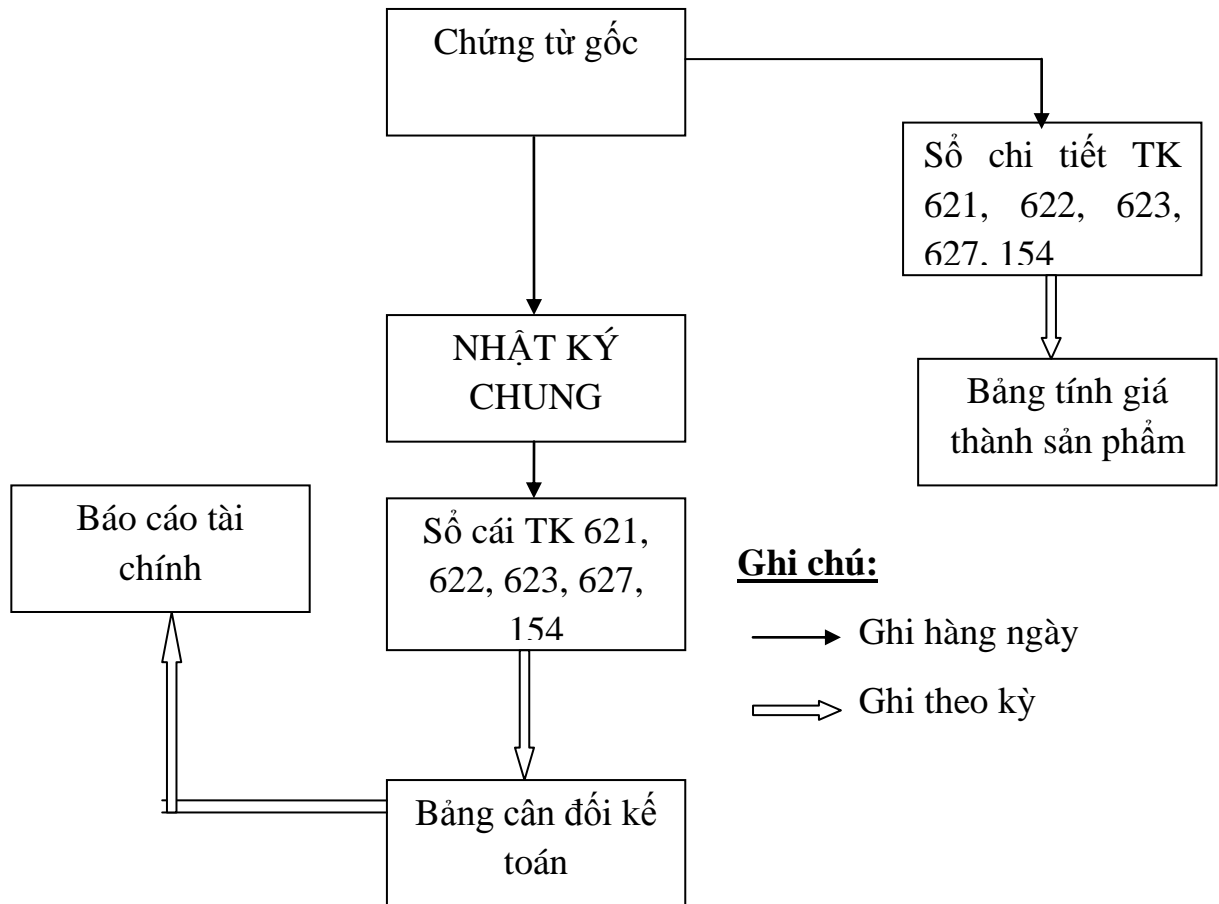
**Sơ đồ 1.10:** Sơ đồ hạch toán thiệt hại ngừng sản xuất trong kế hoạch





**Sơ đồ 1.11:** Sơ đồ hạch toán chi phí thiệt hại ngừng sản xuất ngoài kế hoạch**1.10: Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán****1.10.1. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

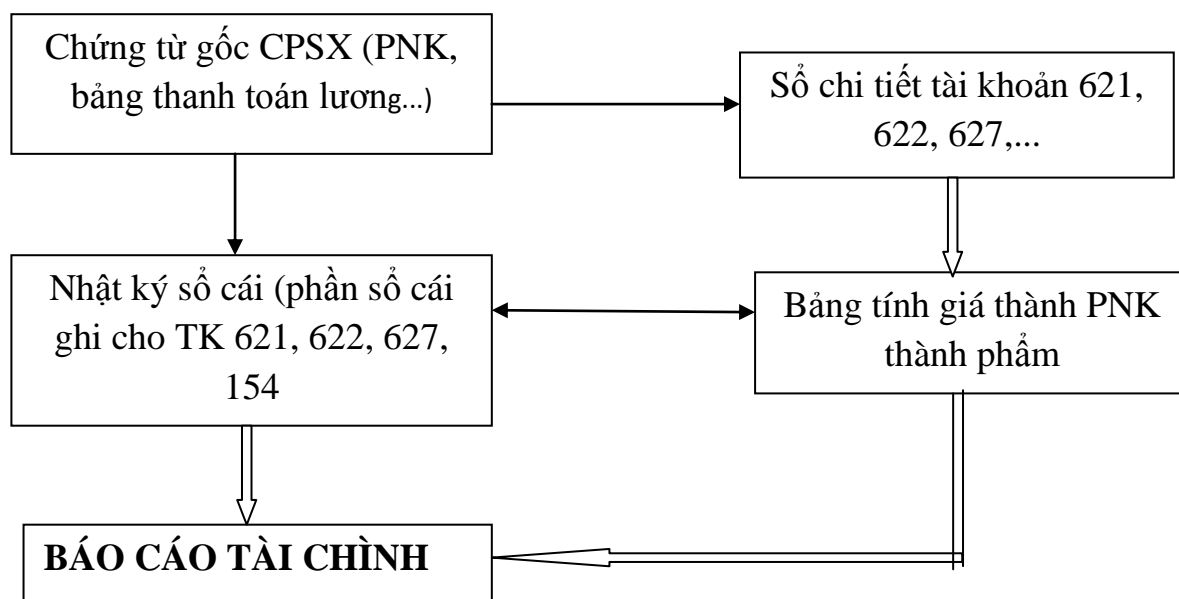
Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung là: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng âm sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế ( định khóa kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Các doanh nghiệp nhỏ thường áp dụng hình thức kế toán này

**Sơ đồ 1.12:** Quy trình kế toán theo hình thức nhật ký chung

### 1.10.2. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

Đặc điểm hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái là sổ kế toán dùng để phản ánh tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian và hệ thống hóa theo nội dung kinh tế. Căn cứ ghi vào Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ gốc hoặc bản phân bổ chứng từ gốc

**Sơ đồ 1.13:** sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký – sổ cái



**Chú giải:**

→ Ghi hàng ngày

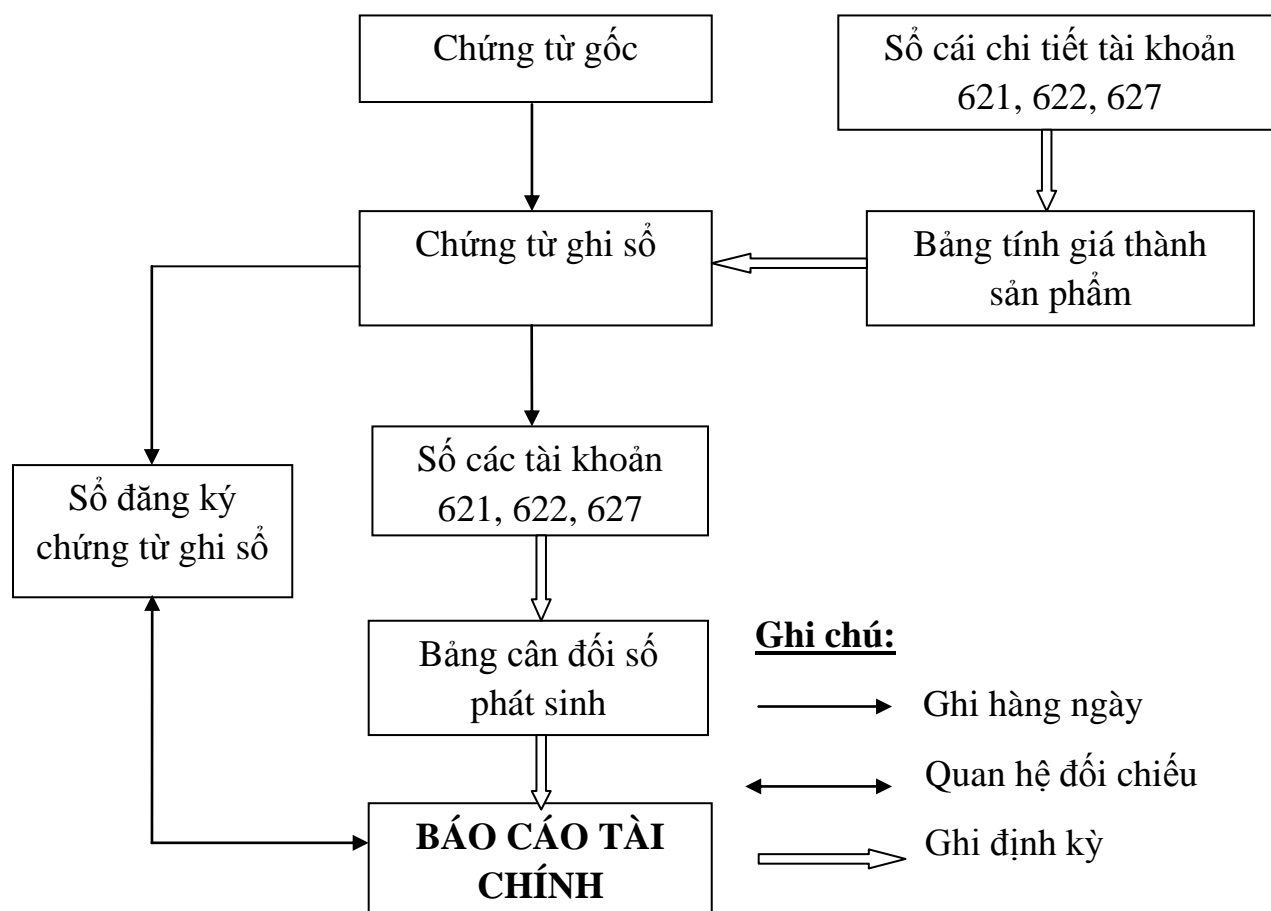
⇒ Ghi định kỳ

↔ Ghi đối ứng

**1.10.3. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.**

Đặc điểm cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp “chứng từ ghi sổ”. Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ đính kèm.

**Sơ đồ 1.14:** sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Chứng từ ghi sổ



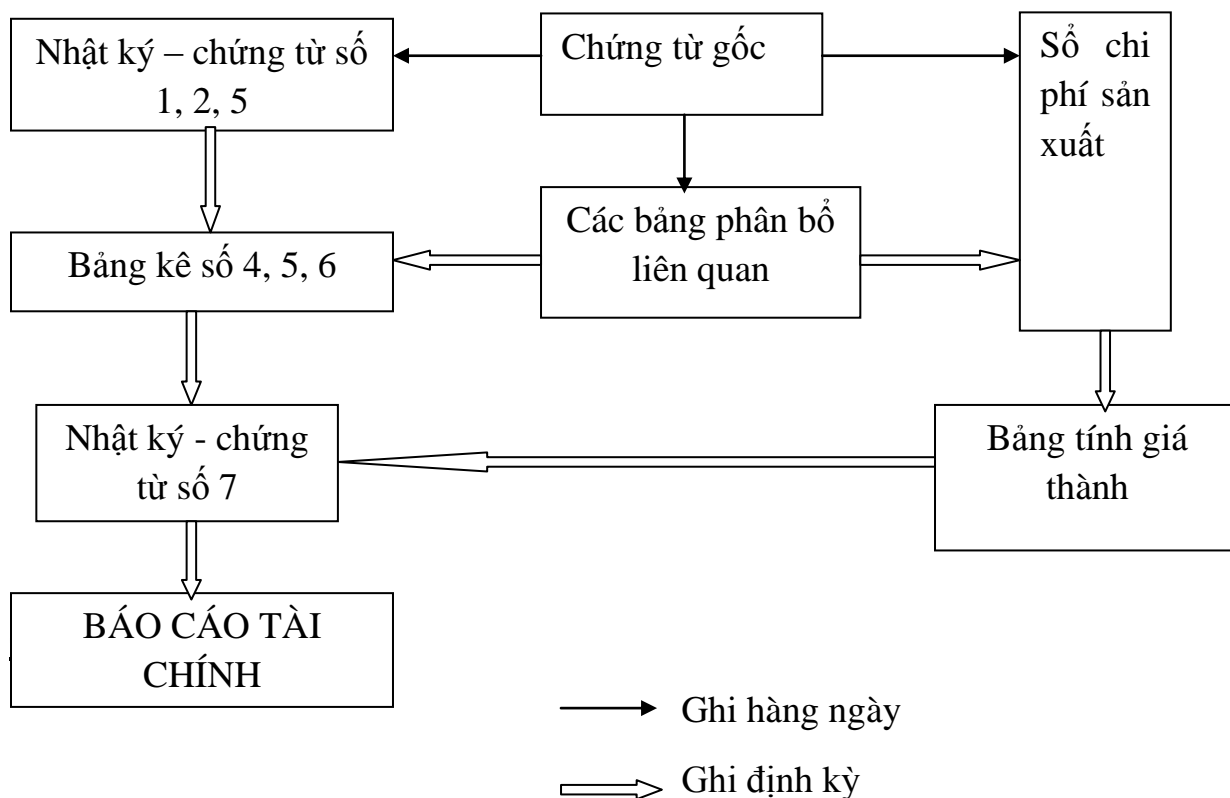
#### 1.10.4. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo phương pháp nhật ký chứng từ.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chứng từ là tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các loại tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kiểm toán và cùng một quá trình ghi chép.

**Sơ đồ 1.15:** sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chứng từ

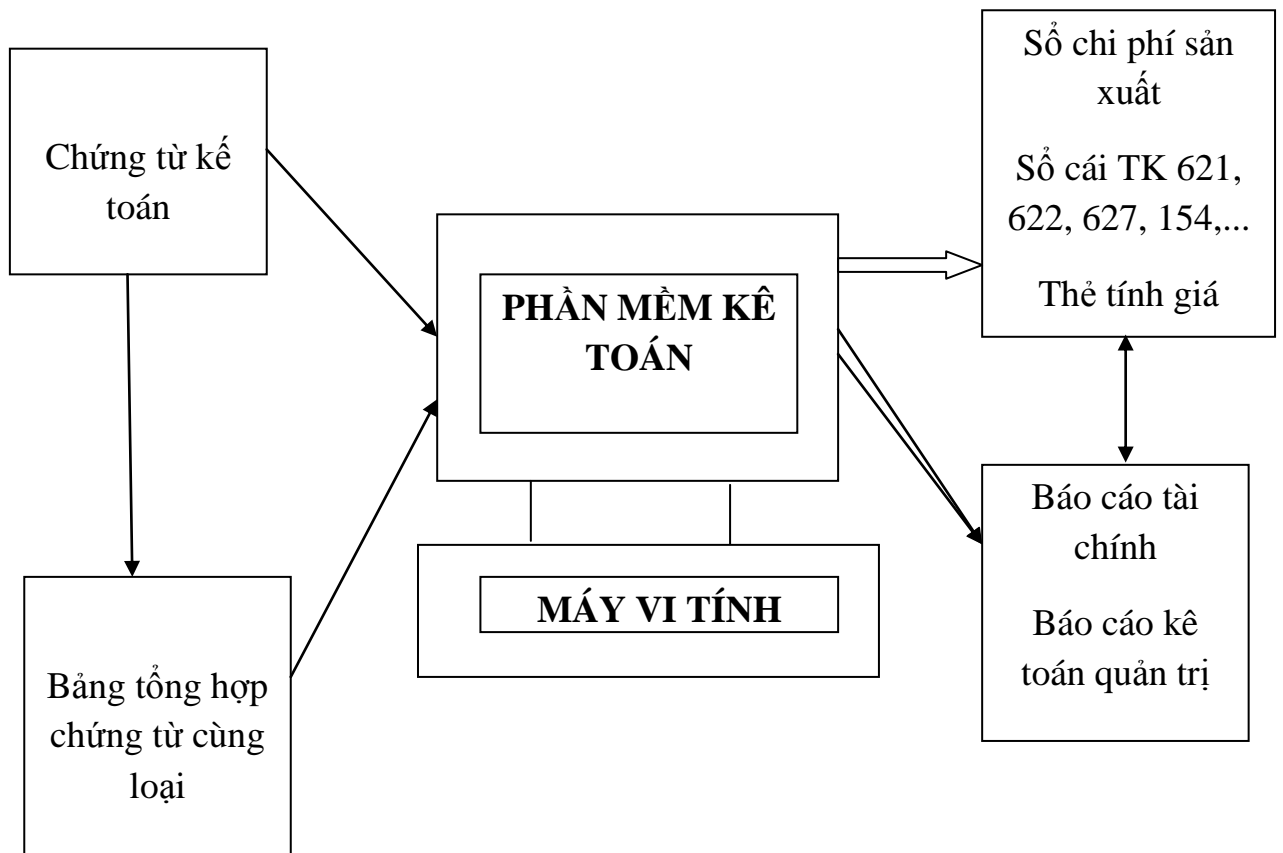


#### 1.10.5. Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy

Đây là hình thức kế toán được thể hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**Sơ đồ 1.16:** Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán máy



Chú giải:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

## CHƯƠNG 2

## THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT

**2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

**2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

Địa chỉ. Tầng 3, tòa nhà văn phòng Sao Đỏ, km1+400 đường Phạm Văn Đồng, anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng.

ĐT. 0313814266

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0203001957 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ( bổ sung và sửa đổi) lần 2, ngày 26 tháng 06 năm 2006 với vốn điều lệ 16.800.000.000 ( mười sáu tỉ tám trăm triệu đồng )

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước nói chung và thành phố Hải Phòng nói riêng. Tuy mới thành lập nhưng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ kỹ thuật của công ty đều có trình độ chuyên môn cao, thâm niên công tác lâu năm. Các thành viên sáng lập đồng thời là cán bộ chủ chốt, cán bộ kỹ thuật và công nhân viên của xí nghiệp xây lắp số 1 ( là đứng đầu công ty xây dựng Ngô Quyền – một công ty chuyên ngành đã thi công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng với quy mô lớn trong thành phố và các tỉnh lân cận), của công ty xây dựng Bạch Đằng, tổng công ty VINACONEX, tổng công ty xây dựng Hà Nội. Giấy chứng nhận đăng ký cơ quan thuế:

Mã số	02006557272
Tên tổ chức, cá nhân nộp thuế	Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt
Số đăng kí kinh doanh	0203001957
Ngày đăng kí thuế	08/02/2006
Vốn điều lệ	16.800.000.000

Người đại diện cho pháp luật công ty: ông Nguyễn Tuấn Anh – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt hoạt động trong những lĩnh vực như sau:

- Xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, san lấp mặt bằng, thủy lợi, cấp thoát nước, công trình thủy, xây dựng và lắp đặt các công trình điện công nghiệp và dân dụng 35 KV.

- Đào đắp bùn đất, nạo vét giao thông, san lấp mặt bằng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

- Kinh doanh vận tải hàng hóa và khách hàng đường bộ, đường thủy.

- Kinh doanh vật liệu nhận kí gửi và ủy thác các loại vật tư, máy móc thiết bị hàng tiêu dùng

- Sửa chữa lớn và vừa các hạng mục cầu đường, kiến trúc nhà cửa. Các công trình đều do công ty thực hiện và để đảm bảo trúng thầu, công ty phải chứng minh được khả năng và năng lực của mình trên mọi phương diện. Khả năng tổ chức thi công, khả năng tài chính, phương tiện máy móc thi công, nhân lực tiến độ thi công, tất cả các công trình tham gia đấu thầu phải có tiền đặt cọc hay giấy bảo lãnh ngân hàng nộp cho chủ đầu tư, tránh trường hợp trúng thầu nhưng vì lí do nào đó bỏ thi công thì sẽ phải bồi thường khoản tiền đặt cọc.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

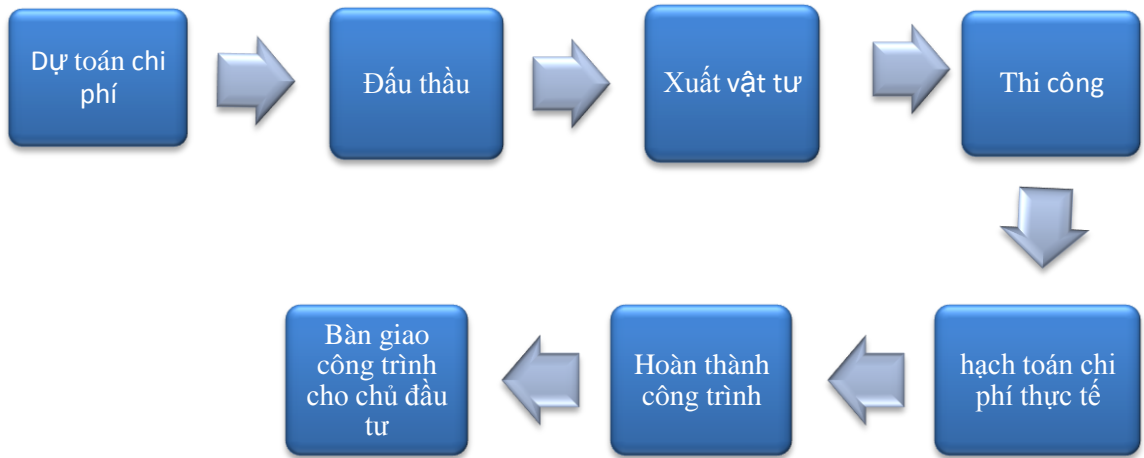
Tên chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng doanh thu	7.277.819.998	13.882.890.354
Tổng doanh thu thuần	7.277.819.998	13.525.942.172
Tổng giá vốn hàng bán	6.175.631.281	14.392.213.464
Tổng lợi nhuận gộp	1.102.188.717	(866.271.292)
Tổng lợi nhuận trước thuế	408.037.000	(1.715.230.419)
Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	3.398.000	3.398.000
Thuế và các khoản khác phải nộp NSNN	114.250.360	
Vốn kinh doanh bình quân	2.373.634.096	2.373.634.096

### **2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt là một trong những công ty lớn, sản phẩm chủ yếu là những công trình xây dựng, cầu đường, công xưởng, các khu trung cư, công ty đã vận hành và tổ chức bộ máy sản xuất như sau:



**Sơ đồ 2.1:** Quy trình sản xuất và hoàn thành công trình của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt

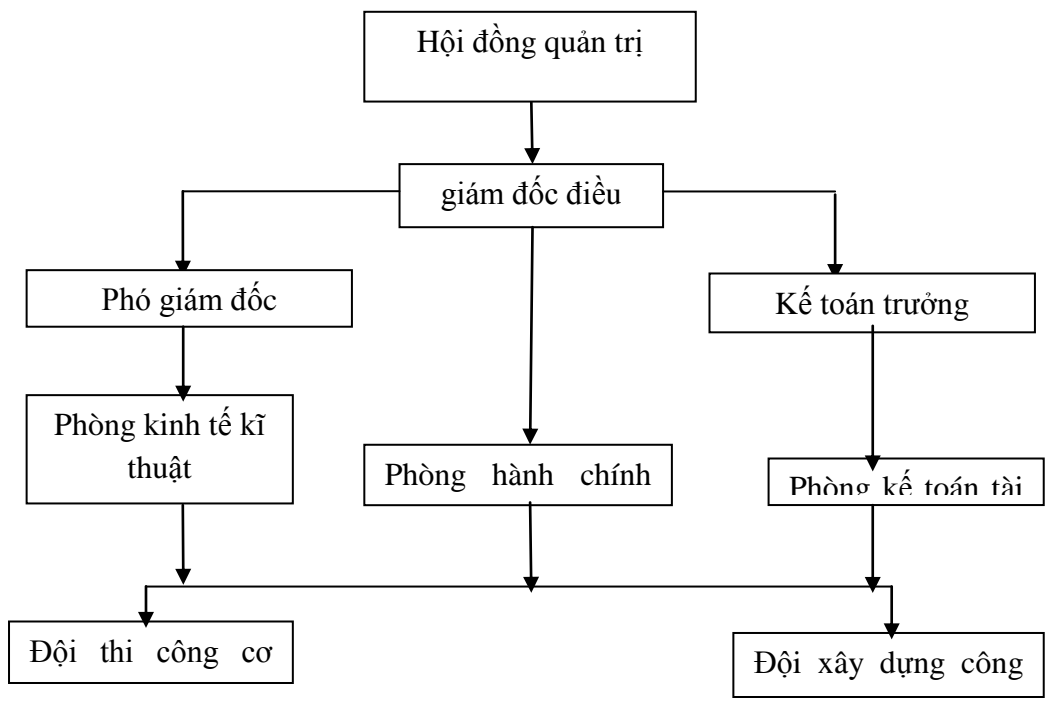


(Nguồn dữ liệu: Tại phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

**2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Để điều hành và quản lý phù hợp với đặc điểm của công ty. Công ty đã tổ chức bộ máy theo **Sơ đồ 2.2**

**Sơ đồ 2.2:** sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt



**Hội đồng quản trị:** là cơ quan cao nhất của công ty, hội đồng có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm, cách chức tổng giám đốc và các bộ phận quản lý thuộc phạm vi quản lý của HĐQT.

Giám đốc điều hành: do HĐQT bầu ra thông qua địa biểu cổ đông, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo mục tiêu, định hướng mà đại hội đồng, HĐQT thông qua.

Giám đốc: điều hành chung, chỉ đạo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Phó giám đốc: thay mặt giám đốc điều hành các công việc hàng ngày khi giám đốc đi vắng, phụ trách các vấn đề liên quan đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện công tác đối nội trong nội bộ của doanh nghiệp.

Phòng kinh tế kỹ thuật: Nghiên cứu, cập nhật các vấn đề có liên quan đến kỹ thuật, áp dụng các kỹ thuật sản xuất mới vào công ty. Chỉ đạo giám sát công việc theo đúng công nghệ - kỹ thuật, kiểm tra phát hiện các sai sót. Hạn chế của quá trình sản xuất, hướng dẫn điều chỉnh, cải tiến kịp thời máy móc, thiết bị trong quá trình thi công, tổ chức bảo dưỡng máy móc. Tổng hợp và báo cáo về hệ thống trang thiết bị, máy móc thiết bị của công ty và đề xuất mua sắm, sửa chữa.

Phòng hành chính tổng hợp: Thực hiện quản lý chính sách về nguồn nhân sự và theo dõi ý thức, thái độ, lương thưởng, tuyển dụng đào tạo, đánh giá thực hiện công việc của nhân viên, khuyến khích, động viên nhắc nhở, đề xuất khen thưởng hay kỉ luật và các vấn đề liên quan đến tâm lý đời sống nhân viên trong công ty.

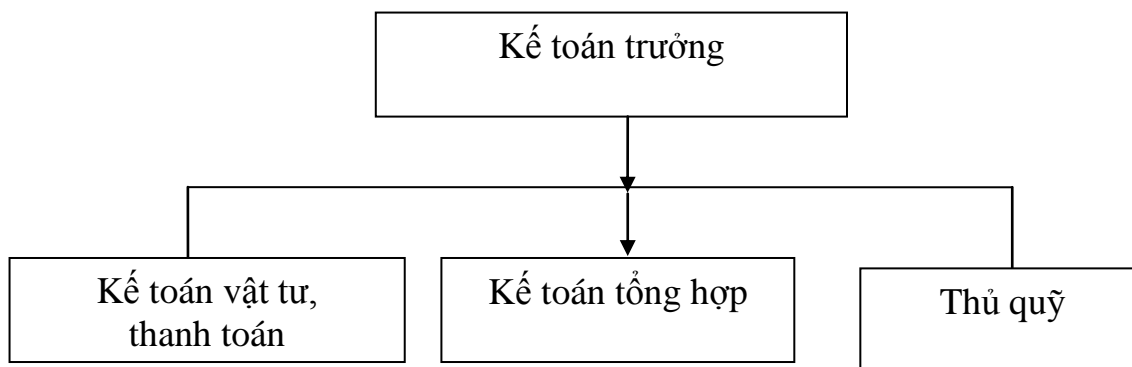
Phòng kế toán tài chính: quản lý công tác thu – chi dòng tiền của công ty. Theo dõi, đảm bảo tính chính xác về nguồn vốn, công nợ. Hạch toán hiệu quả sản xuất kinh doanh của toàn công ty theo thời gian.

Các đội thi công và đội xây dựng công trình: Chịu trách nhiệm thi công các công trình theo đơn đặt hàng hoặc các hợp đồng đã ký đảm bảo đúng tiến độ cũng như các yêu cầu kỹ thuật, các công trình đường bộ Hải Phòng.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách áp dụng kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

##### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh, điều kiện và trình độ quản lý của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt tổ chức bộ máy theo hình thức tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập BCTC

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt

Kế toán trưởng: Chỉ đạo trực tiếp từng nhân viên trong công ty, làm tham mưu cho tổng giám đốc về hoạt động kinh doanh, tổ chức kế toán nội bộ trong toàn bộ công ty. Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn và báo cáo tài chính theo quy định.

Kế toán vật tư, thanh toán: Theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng tiền, chuyển khoản, lập trình với các ngân hàng, bảo lãnh hợp đồng, thường xuyên cập nhập tiền gửi và tiền vay, hạn mức vay, hàng tháng tập hợp các chứng từ tiền gửi ngân hàng, tính lãi vay. Đồng thời hàng tháng tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi bằng tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của các chứng từ, lập phiếu chi sau khi có phiếu duyệt chi của phụ trách kế toán phòng kế toán và giám đốc. Ngoài ra còn đảm nhận việc theo dõi hàng hóa của toàn doanh nghiệp.

Thủ quỹ: là người quản lý quỹ tiền mặt của toàn công ty

#### 2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng của công ty

Kỳ kế toán, hạch toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ngày 20 tháng 03 năm 2006.

Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: theo phương pháp đích danh

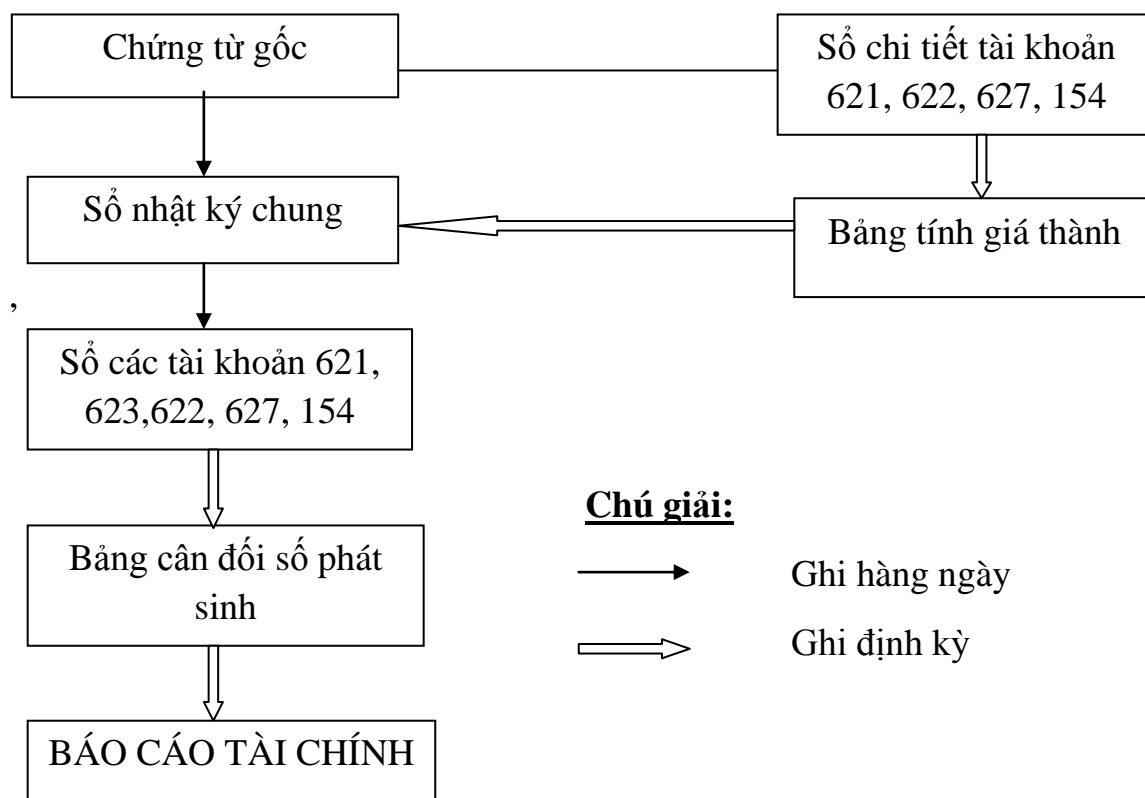
Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng.

Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo hình thức nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 2

**Sơ đồ 2.4:** Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức nhật ký chung



## 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

### 2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất ở Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt hiện nay được xác định là toàn bộ chi phí phát sinh khi xây dựng công trình, hạng mục công trình. Công ty hạch toán chi phí theo khoản mục tính giá thành, gồm 4 khoản mục, đó là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung, và chi máy thi công.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ở công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí, bao gồm giá trị nguyên vật liệu cần thiết tạo ra sản phẩm xây lắp, trực tiếp phục vụ cho hoạt động xây lắp:

Vật liệu chính: Gạch, đá, xi măng, thép, cát...

Vật liệu phụ: Cọc tre, dây buộc,...

Các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình: Tấm xi măng đúc sẵn, ống cống,..Vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng công trình xây lắp.

Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm tiền lương và các khoản mục phụ cấp tính trả cho công nhân xây lắp không bao gồm các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên quỹ lương của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm...

Chi phí sử dụng máy thi công: Chi phí sử dụng máy thi công là những khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công để hoàn thành sản phẩm của công ty bao gồm khấu hao máy thi công, tiền lương của công nhân vận hành máy (không kể các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính theo tiền lương của công nhân vận hành máy thi công) hay chi phí sử dụng máy thi công do công ty thuê từ bên ngoài.

Chi phí sản xuất chung: Là chi phí phục vụ sản xuất nhưng không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp mang tính chất lương của ban quản lý đội, các khoản trích theo lương BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính trên quỹ lương công nhân xây lắp, công nhân vận hành máy, chi phí dịch vụ mua ngoài, khấu hao,...

### **2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất: Là từng công trình.

Đối tượng tính giá thành: Là những công trình hoàn thành

### **2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm**

Kỳ tính giá thành: Để thuận lợi cho việc tính giá thành công ty xác định kỳ tính giá thành là theo thời gian hoàn thành công trình.

Phương pháp tính giá thành: Hiện nay công ty tính giá thành theo phương pháp đơn đặt hàng. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức công tác kế toán chi phí phải được chi tiết theo từng đơn hàng. Mỗi công trình, đơn hàng khởi công đến khi hoàn thành bàn giao đều được mở riêng các sổ chi tiết chi phí sản xuất. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, mà đơn hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí đã tập hợp của đơn hàng đã được ghi sản phẩm dở dang.

### **2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

Để mô tả cho dòng chảy của dữ liệu kế toán, bài viết tập trung chủ yếu vào việc thu thập mô tả dữ liệu về chi phí sản xuất và tính giá thành cho công trình nhà một cửa

**2.2.4.1 Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

Để tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là loại chi phí được tập hợp toàn quy trình xây dựng. Đồng thời kế toán còn sử dụng tài khoản 152 để theo dõi sự vận động của nguyên vật liệu ở công ty. Nguyên vật liệu gồm có: Xi măng, sắt thép, cát, cọc tre...

Hệ thống chứng từ, sổ sách của công ty sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Phiếu xuất kho, sổ chi tiết TK 621, sổ cái TK 621...

**Ví dụ:** Ngày 6 tháng 8 năm 2013 công ty nhập kho 476 kg thép hình hộp, đơn giá 22.000 đ/kg từ công ty cổ phần thương mại Hùng Cường. Theo HĐ GTGT số 0000561 (Thuế suất GTGT 10%), công ty đã thanh toán bằng tiền mặt

**Biểu 2.1:** Hóa đơn GTGT số 0000561**HOÁ ĐƠN GTGT**

Liên 2 (giao cho người mua)

Ngày 06 tháng 08 năm 2013

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: TD/11P

Số: 0000561

Đơn vị bán hàng: <b>Công ty cổ phần thương mại thép Hùng Cường</b> Mã số thuế: 0200980571 Địa chỉ: Số Km87+900, đường 5 Mới, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng					
Họ tên người mua: Đỗ Anh Tuấn Đơn vị mua hàng: <b>Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt</b> Mã số thuế: 0200657272 Đại chỉ: tầng 3, Tòa văn phòng Sao Đỏ - KM 1 + 400 Phạm Văn Đồng – HP Hình thức thanh toán: tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Thép hình hộp	kg	476	22.000	10.472.000
Cộng tiền hàng					10.472.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT	1.047.200
Tổng cộng tiền thanh toán					11.519.200
Số tiền viết bằng chữ: mười một triệu năm trăm mười chín nghìn hai trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Nguồn dữ liệu phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Từ HĐ GTGT số 0000561, kế toán tiến hành nhập kho vật liệu (biểu 2.2)

**Biểu 2.2: Phiếu nhập kho**

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ,  
Km1+400 đường Phạm Văn Đồng, Hải  
Phòng

Mẫu số: 01 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số: PN101

Ngày 06 tháng 08 năm 2013

Họ và tên người giao: Nguyễn Thị Anh

Theo hóa đơn GTGT số 0000561 ngày 6 tháng 8 năm 2013 của công ty cổ phần E29

Nhập tại kho: Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt địa điểm: kho A

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép hình hộp		kg	476	476	22.000	10.472.000
	Cộng	x	X	x	x	x	10.472.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 06 tháng 08 năm 2013

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Lấy từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Vật liệu mua về sẽ được bàn giao ngay cho công trình thi công theo giá thực tế đích danh. Phiếu xuất kho (**Biểu 2.3**) được lập ngay sau phiếu nhập kho (**Biểu 2.2**)



**Biểu 2.3: Phiếu xuất kho số PX 41**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẮP SAO VIỆT

Mẫu số 02-VT

QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng  
03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU XUẤT KHO**

Số: 41

Họ tên người nhận hàng: Đào Xuân Kiên

Xuất cho công trình: Nhà một cửa

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứn từ	Thực xuất		
A	B	C	1	2	3	4
1	Xuất thép hộp	kg		476	22.000	10.472.000
	Cộng					10.472.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn đồng.

Xuất, ngày 06 tháng 08 năm 2013

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận  
(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Căn cứ vào phiếu xuất kho. Kế toán ghi sổ chi phí sản xuất, kinh doanh cho TK 621

**Biểu 2.4:** Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh Tk 621

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt

Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ Km1+400 đường Phạm  
Văn Đồng, Hải Phòng

Mẫu số S36 –DN

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tài khoản: 621

Công trình: nhà một cửa

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK 621				....
Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Xi măng	Cát vàng	thép	
		...		...	...	...	...	
PX39	01/08	Xuất xi măng		65.000.000	65.000.000			
PX40	04/08	Xuất cát vàng		15.853.423		15.853.423		
PX41	06/08	Xuất thép hộp		10.472.000			10.472.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	
		<b>Cộng SPS</b>		<b>795.584.775</b>	<b>65.000.000</b>	<b>15.853.423</b>	<b>10.472.000</b>	
		<b>Ghi Nợ 154</b>		<b>795.574.775</b>				

Ngày 30 tháng 08 năm 2013

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Từ HĐ GTGT số 0000561 kê toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.5)

**Biểu 2.5: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ Km1+400  
đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

Mẫu số S038 –DN  
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 8 năm 2013

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Tháng 8 năm 2013						
			.....						
01/08	PX39	01/08	Xuất xi măng			621 133		65.000.000 6.500.000	71.500.000
							331		
04/08	PX 40	04/08	Xuất cát vàng			621 133		15.853.423 1.585.342	17.438.765
							111		
06/08	PX41	06/08	Xuất thép hộp cho công trình công trình nhà một cửa			621 133		10.472.000 1.047.200	11.519.200
							331		
			.....					.....	.....
			<b>Cộng phát sinh cuối tháng 8</b>					<b>18.607.950.000</b>	<b>18.607.950.000</b>

Người lập  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Ngày 30 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào TK 621 (Biểu 2.8)

**Biểu 2.6: Sổ cái TK 621**

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ Km1+400  
đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

**Mẫu số S038 –DN**

Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 8 năm 2013

Tên TK: - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

SH: 621

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Số trang	Số dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 8					
			.....					
01/08	PX39	01/08	Xuất xi măng			331	65.000.000	
04/08	PX40	04/08	Xuất cát vàng			111	15.853.423	
06/08	PX41	06/08	Xuất thép hộp cho công trình nhà một cửa			331	10.742.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/08	PKT06	30/08	Kết chuyển chi phí NVLTT tháng 8			154	10.893.460.053	10.893.460.053
			<b>Số dư cuối kỳ</b>					

Người lập  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Ngày 30 tháng 08 năm 2013

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

### 2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

*Tài khoản sử dụng TK 622:* Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp chi phí tiền lương, phụ cấp, các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công trình, số ngày công bao gồm cả lao động chính và lao động phụ.

- ❖ Hệ thống chứng từ sử dụng:
  - Bảng chấm công (Mẫu 01 – LĐTL)
  - Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
  - Bảng thanh toán lương (Mẫu 02 – LĐTL)
- ❖ Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ cái TK 622
- ❖ Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:

Do đặc điểm hoạt động của công ty có nhiều công trình, thi công tại nhiều địa bàn rộng nên lực lượng lao động trực tiếp của công ty gồm công nhân trong danh sách và chủ yếu thuê ngoài. Lực lượng lao động làm thuê ngắn hạn ngoài tại chính địa phương thi công theo từng công việc, điều này rất phù hợp với công ty xây dựng để đảm bảo thời gian, tiến độ thi công tiết kiệm chi phí tiền lương, đặc biệt trong giai đoạn không có công trình thi công. Các công nhân được tổ chức thành các tổ thi công phục vụ từng yêu cầu sản xuất thi công.

*\*Tài khoản sử dụng: Tk 622 – Chi phí nhân công trực tiếp*

*\*Các chứng từ sử dụng:*

- Hợp đồng giao khoán, hợp đồng lao động.
- Bảng chấm công.
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tổng hợp và các khoản trích theo lương.
- Bảng phân bổ lương.

*\*Sổ kế toán sử dụng:*

- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 622

*\*Các khoản trích theo lương:* Công ty thực hiện đúng quy định hiện hành.

BHXH được tính bằng 24% trên tổng số lương cơ bản, trong đó 17% tính vào chi phí và 7% trừ vào thu nhập của người lao động.

BHYT được tính bằng 4,5% tổng số lương cơ bản, trong đó 3% tính vào chi phí, 1% tính vào thu nhập người lao động.

BHTN được tính bằng 2% tổng số lương cơ bản, trong đó 1% tính vào chi phí, 1% tính vào thu nhập người lao động.

KPCĐ được tính bằng 2% tổng lương cơ bản của công nhân viên trong đó công ty tính vào chi phí cả 2%.

*Nội dung kế toán chi phí nhân công trực tiếp:*

Công nhân tham gia công trình nhà một cửa là các công nhân thuê ngoài theo hợp đồng lao động ngắn hạn đã được ký kết và được chia thành các tổ thi công như tổ nề, tổ mộc, tổ sơn, tổ kỹ thuật, ...

Căn cứ vào khối lượng công việc trong từng giai đoạn thi công, đội trưởng đội công trình sẽ lập hợp đồng giao khoán (Biểu 2.7) với tổ trưởng các tổ. Đây là cơ sở theo dõi qua trình thực hiện công việc của tổ sản xuất và cũng là chứng từ ban đầu để hạch toán tiền lương.

**Biểu 2.7: Hợp đồng giao khoán số 20**

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ,  
Km1+400 đường Phạm Văn Đồng,  
Hải Phòng

**Mẫu số: 08 - LĐTL**  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006  
của bộ trưởng BTC)

**HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN**

Ngày 1 tháng 8 năm 2013

Số 20

Tên công trình: Nhà một cửa

I. Đại diện Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt (Bên A)

Ông: Nguyễn Văn Thắng

- Chức vụ: PGĐ- Chủ nhiệm công trình

Ông: Đào Xuân Kiên

- Chức vụ: Kỹ thuật viên

II. Đại diện tổ nề (Bên B)

Ông: Nguyễn Văn Lợi

- Chức vụ: Tổ trưởng tổ nề

Điều 1: Bên A giao cho bên B thi công một số hạng mục công việc với đơn giá như sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Đơn giá giao khoán
1	Trát tường	m <sup>2</sup>	50.000
2	Lát nền	m <sup>2</sup>	50.000
3	Granto hành lang	m <sup>2</sup>	100.000

Điều 2: Yêu cầu kỹ thuật , thi công đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 3: Chế độ an toàn lao động bên B phải chịu trách nhiệm. Nếu xảy ra tai nạn lao động bên B phải chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Điều 4: Thời gian bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 8 năm 2013.

Đại diện bên A  
Chủ nhiệm công trình  
(Ký, họ tên)

Đại diện bên B  
Tổ trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Đề quản lý về mặt thời gian làm việc của người lao động, doanh nghiệp đã lập bảng chấm công như sau (**Biểu 2.8**)

**Biểu 2.8:** *Bảng chấm công*

Đơn vị: Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ Km1+400  
đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

**Mẫu số 01a –LĐTL**  
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 8 năm 2013

Bộ phận: Tổ nề

STT	Họ và tên	Ngày trong tháng									Số công
		1	2	3	4	5	6	...	30	31	
1	Nguyễn Văn Lợi	×	×	×	×	CN	×		×	CN	30
2	Vũ Văn Thanh	×	×	×	×	CN	×		×	CN	26
3	Trần Văn Lợi	×	×	×	×	CN	×		×	CN	26
4	Nguyễn Thế Luyên	×	×	×	×	CN	×		×	CN	25
	.....										
	Tổng										377

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người chấm công  
(Đã ký)  
Ký hiệu chấm công  
Con ốm: C  
Ôm: Ô

Phụ trách bộ phận  
(Đã ký)  
Nghỉ bù: NB  
Nghỉ không lương: KL

Người duyệt  
(Đã ký)  
Ngưng việc : N  
Thai sản : TS

Người duyệt  
(Đã ký)  
Nghỉ phép: P  
Tai nạn: T

(Nguồn trích : Từ phong kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)



Cuối tháng kỹ thuật viên phụ trách công trình cùng tổ trưởng các tổ nghiệm thu khối lượng và chất lượng công trình hoàn thành, lập biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành như biểu 2.9, làm căn cứ cho kế toán lập bảng thanh toán tiền công cho các Tổ

**Biểu 2.9 : Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành**

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ,  
Km1+400 đường Phạm Văn Đồng,  
Hải Phòng

**Mẫu số: 09 - LĐTL**  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH**

Công trình: Nhà một cửa  
Ngày 30 tháng 08 năm 2013

Chúng tôi gồm có :

**I, Đại diện công ty ( Bên A)**

Ông: Nguyễn Văn Thắng - Chức vụ: PGĐ- Chủ nhiệm công trình  
Ông: Đào Xuân Kiên - Chức vụ: Kỹ thuật viên

**II, Đại diện tổ nề (Bên B)**

Ông: Nguyễn Văn Lợi - Chức vụ: Tổ trưởng tổ nề

Căn cứ vào hợp đồng giao khoán số 16 ngày 01 tháng 8 năm 2013

Căn cứ vào khối lượng hoàn thành:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá giao khoán	Thành tiền
1	Trát tường	m2	545	50.000	27.250.000
2	Lát nền	m2	300	50.000	15.000.000
3	Granto hành lang	m2	90	100.000	9.000.000
	<b>Cộng</b>				<b>51.250.000</b>

Giá trị hợp đồng đã thực hiện : 51.250.000

Bằng chữ: năm mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Kết luận: Bên A chấp nhận khối lượng công việc trên đã thanh toán đủ cho bên B

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Chủ nhiệm công trình

Tổ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

*Nguồn dữ liệu* : Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Căn cứ vào bảng chấm công, hợp đồng khoán đối với từng tổ, biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, kế toán tiến hành xác định tiền lương cho từng công nhân.

Với lương khoán, vì tổ không áp dụng lương ăn theo hệ số nào nên lương được chia đều theo số công.

Lương của công nhân khác cũng tương tự như vậy. Dựa trên bảng chấm công kế toán xí nghiệp lập bảng thanh toán (**Biểu 2.10**)

Cuối tháng căn cứ vào biên bản nghiệm thu, kế toán lập bảng thanh toán tiền công cho từng tổ như **Biểu: 2.10**

**Biểu 2.10** : *Bảng thanh toán tiền công thuê ngoài*

Đơn vị : Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt

Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà văn phòng Sao Đỏ

Km1 + 400, đường Phạm Văn Đồng

### BẢNG THANH TOÁN TIỀN CÔNG THUÊ NGOÀI

Tháng 8 năm 2013

STT	Tổ sản xuất	Lương khoán	Phụ cấp	Tổng cộng
1	Tổ nề	51.250.000	1.200.000	52.050.000
2	Tổ mộc	60.550.000	1.800.000	62.350.000
...	....	...	...	...
	Tổng	803.547.323	15.624.000	819.171.323

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Kế toán  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền công thuê ngoài và bảng thanh toán lương, trích theo lương của người lao động trong biên chế, kế toán lập bảng biểu tổng hợp thanh toán lương toàn công ty như **Biểu 2.11**

**Biểu 2.11** : *Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**  
Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ, Km1+400 đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng  
**BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG**  
Tháng 8 năm 2013

Stt	Đối tượng	Lương phải trả	Lương cơ bản	Các khoản trích theo lương				Lương thực lĩnh	Các khoản trích trừ vào phí				
				BHXH (7%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Cộng (9,5%)		BHXH (17%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Tổng
<b>I</b>	<b>Bộ phận sản xuất</b>	<b>803.574.323</b>	<b>803.574.323</b>	-	-	-	-	<b>803.574.323</b>	-	-	-	-	-
1	Tổ nề	51.250.000	51.250.000	-	-	-	-	51.250.000	-	-	-	-	-
2	Tổ mộc	63.350.000	63.350.000	-	-	-	-	63.350.000	-	-	-	-	-
	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>III</b>	<b>BP sản xuất chung</b>	<b>216.047.874</b>	<b>158.907.884</b>	<b>11.123.552</b>	<b>2.383.618</b>	<b>1.589.079</b>	<b>15.096.249</b>	<b>200951625</b>	<b>27.014.340</b>	<b>4.767.237</b>	<b>1.589.079</b>	<b>3.178.158</b>	<b>36.548.814</b>
<b>IV</b>	<b>BP quản lý DN</b>	<b>173.730.000</b>	<b>151.750.000</b>	<b>10.622.500</b>	<b>2.276.250</b>	<b>1.517.500</b>	<b>14.416.250</b>	<b>159.314.250</b>	<b>25.797.500</b>	<b>4.552.500</b>	<b>1.517.500</b>	<b>3.035.000</b>	<b>34.902.500</b>
	<b>Tổng</b>	<b>1.382.706.197</b>	<b>1.125.682.197</b>	<b>21.746.052</b>	<b>4.659.868</b>	<b>3.106.579</b>	<b>29.512.498</b>	<b>359.239.876</b>	<b>52.811.834</b>	<b>9.319.735</b>	<b>3.106.579</b>	<b>6.213.158</b>	<b>66.851.317</b>

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Từ bảng tổng hợp lương kế toán lập bảng phân bổ lương tháng 8 cho toàn công ty (**Biểu 2.12**)

**Biểu 2.12:** Bảng phân bổ lương.

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 toà nhà văn phòng Sao Đỏ, Km1+400 đường  
Phạm Văn Đồng

Mẫu số 11-LĐTL  
(Ban hành theo QĐ 15/2006 – BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG PHÂN BỔ LƯƠNG**  
Tháng 8 năm 2013

STT	Ghi có TK Ghi nợ TK	Có TK 334	TK 338				Cộng có TK 338
			BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	
1	622	852.610.823	-	-	-	-	-
3	627	216.047.874	27.123.552	4.767.237	1.589.079	3.178.158	36.658.026
4	642	173.730.500	25.797.500	4.552.500	1.515.500	3.035.000	34.536.500
5	334		21.749.052	4.659.868	4.959.868	-	31.368.788
	<b>Tổng</b>	<b>1.242.362.197</b>	<b>74.670.104</b>	<b>13.979.605</b>	<b>8.064.447</b>	<b>6.213.158</b>	<b>102.563.314</b>

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Từ phòng kế toán công ty cổ phần Sao Đỏ)

Từ bảng phân bổ lương kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (**Biểu 2.13**)

**Biểu 2.13: Sổ nhật ký chung**

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 toà nhà văn phòng Sao Đỏ, Km1+400 đường  
Phạm Văn Đồng

Mẫu số S03 - DN  
(Ban hành theo QĐ 15/2006 – BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2013

Đơn vị tính : Đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	.....	...	...	...	...
30/08	BTHL T8	30/08	Tính lương phải trả cho cán bộ công nhân viên tháng 8 năm 2013	622 627 642	334	852.610.823 216.020.874 173.730.500	1.242.362.197
30/08	BPBL T8	30/08	Trích các khoản theo lương tháng 8 năm 2013	627 642 334	338	36.658.026 34.536.500 31.368.788	102.563.314
			<b>Cộng lũy kế đến cuối tháng 8</b>			<b>18.607.950.000</b>	<b>18.607.950.000</b>

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu : Từ phòng kế toán công ty cổ phần Sao Đỏ)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 622 (Biểu 2.14)

**Biểu 2.14** : Sổ cái TK 622

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 toà nhà văn phòng Sao Đỏ,  
Km1+400 đường Phạm Văn Đồng

Mẫu số S03b - DN  
(Ban hành theo QĐ 15/2006 – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp  
Năm 2013

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
30/08	BPBL T8	30/08	Tính lương tháng 8 cho công nhân	334	852.610.823	
30/08	PKT 07	30/08	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp	154		852.610.823
			Tổng số phát sinh		852.610.823	
			Số dư cuối tháng 8			852.610.823

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**2.2.4.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung công ty cổ phần xây lắp Sao Việt**

Ngoài chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công thì trong đó có chi phí sản xuất chung. Chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí nhân viên tại phân xưởng, công cụ dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng, chi phí sản xuất khác,... chi phí sản xuất chung ở công trình nào thì tập hợp vào công trình đó. Nếu chi phí phát sinh toàn doanh nghiệp thì kế toán tiến hành phân bổ theo doanh thu.

*Tài khoản sử dụng:*

TK 627 – Chi phí sản xuất chung.

TK 627 bao gồm các tài khoản cấp 2 sau:

TK 6271 – Chi phí nhân viên

TK 6272 – Chi phí vật liệu

TK 6273 – Chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274 – Chi phí khấu hao

TK 6277 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 – Chi phí bằng tiền khác

*Các chứng từ sử dụng:*

Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương, bảng phân bổ lương, các HĐ GTGT.

Sổ kế toán sử dụng: Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết TK 627, sổ chi tiết TK 627, sổ cái TK 627.

*Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung:*

Đối với khoản chi phí nhân viên: Tập hợp vào TK 6271 gồm có lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của bộ phận công nhân viên tại phân xưởng, nhân viên sử dụng máy thi công.

Cũng như phần hạch toán chi phí nhân công trực tiếp, căn cứ vào các bảng chấm công như (**Biểu 2.8**), kế toán lập bảng tính và thanh toán lương các bộ phận, từ đó lập bảng trích các khoản theo lương từng bộ phận, từ bảng tính lương và bảng trích các khoản theo lương của các bộ phận lập bảng tổng hợp lương và trích các khoản theo lương của từng bộ phận (**Biểu 2.11**) căn cứ vào đó lập bảng phân bổ lương (**Biểu 2.12**)

Dụng cụ sản xuất của công ty bao gồm: quần áo bảo hộ, cuộc xẻng, búa kìm,... Những công cụ có giá trị nhỏ chỉ cần phân bổ 1 lần thì được tập hợp vào chi phí qua phiếu xuất kho. Những công cụ dụng cụ có giá trị lớn cần phân bổ nhiều lần thì được hạch toán vào TK 242 và phân bổ vào chi phí sản xuất chung trong tháng. Công ty tiến hành phân bổ qua bảng phân bổ chi phí TK 242 (**Biểu 2.12**)

**Biểu 2.15:** Bảng phân bổ chi phí TK 242**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 tòa nhà văn phòng Sao Đỏ, Km1+400 đường Phạm Văn Đồng, Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TK 242**

Tháng 8 năm 2013

STT	Tên công cụ dụng cụ	Số lượng	Đơn giá mua	Thành tiền	Số năm SD	TG sử dụng	GT đã phân bổ	GT phân bổ tháng này	Giá trị còn lại
I	BP sản xuất chung						7.944.249.928	216.647.200	10.577.432.870
.....	...	...	...	...	...	...	...	...	...
9	Máy xúc KOMASTRU	2	547.785.000	1.095.570.000	8	T1/08	893.333.334	13.333.334	188.903.332
10	Máy cắt Bosch	5	7.120.000	35.600.000	1.3	T8/12	30.853.333	2.373.333	2.373.334
11	Đảm cóc Mikasa MT 55	3	9.000.000	27.000.000	2	T10/12	12.375.000	1.125.000	13.500.000
12	Máy khoan bê tông	4	4.050.000	16.200.000	1.6	T11/12	9.000.000	900.000	6.300.000
13	Máy ủi KOMASTSU	1	640.000.000	640.000.000	9	T5/09	223.168.666	5.072.083	319.544.251
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>			<b>18.873.833.000</b>					

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)



+ *Chi phí khấu hao tài sản cố định:*

Để hạch toán khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý phân xưởng, kế toán lập bảng trích khấu hao tài sản cố định như **Biểu 2.15**.

+ *Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác:*

Các khoản chi phí này chủ yếu là chi phí tiền điện thi công, nước, điện thoại, vận chuyên, phí bảo lãnh dự thầu, phí bảo hành công trình,... Phục vụ cho công tác thi công và quản lý đội thi công. Các khoản mục chi phí này được ghi nhận dựa trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ thanh toán với các đơn vị cung cấp dịch vụ, hay giấy đề nghị thanh toán.

Ở Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, các chi phí quản lý đội thi công của toàn công ty được tập hợp vào mỗi tháng và phân bổ qua tiêu thức giá thành dự toán cho mỗi đơn hàng.

Từ các chứng từ gốc trên, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (**Biểu 2.16**) và sổ cái TK 627 (**Biểu 2.17**).

**Biểu 2.16: Sổ nhật ký chung**

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 toà nhà văn phòng Sao Đỏ, Km1+400 đường  
Phạm Văn Đồng

Mẫu số S03 - DN  
(Ban hành theo QĐ 15/2006 – BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
Tháng 8 năm 2013

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			.....				
08/08	PX42	08/08	Xuất quần áo bảo hộ cho nhân viên quản lý thi công	627	153	2.052.000	2.052.000
			.....				
30/08	BTHL T8	30/08	Tính lương phải trả cho cán bộ công nhân viên tháng 8 năm 2013	622 627 642	334	852.610.823 216.020.874 173.730.500	1.242.362.197
30/08	BPBLT8	30/08	Trích các khoản theo lương tháng 8 năm 2013	627 642 334	338	36.658.026 34.536.500 31.368.788	102.368.788
30/08	BPBKHT8	30/08	Trích khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất	627	214	216.647.200	216.647.200
			<b>Cộng lũy kế đến cuối tháng 8</b>			<b>18.607.950.000</b>	<b>18.607.950.000</b>

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Từ phòng kế toán công ty cổ phần xây lắp Sao Việt)

**Biểu 2.17 Sổ cái tài khoản 627**

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 toà nhà văn phòng Sao Đỏ, Km1+400 đường  
Phạm Văn Đồng

Mẫu số S03 - DN  
(Ban hành theo QĐ 15/2006 – BTC ngày 20/03/2006  
của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 627 – Chi phí sử dụng máy thi công  
Tháng 8 năm 2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			.....			
08/08	PX42	08/08	Xuất quần áo bảo hộ cho NV quản lý thi công	153	2.052.000	
			.....			
30/08	BTHLT8	30/08	Tính lương cho công nhân quản lý	334	216.047.874	
30/08	BPBLT8	30/08	Tính các khoản trích theo lương	338	102.536.314	
30/08	BTKHT8	30/08	Khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất	214	216.647.200	
			.....			
30/08	PKT08	30/08	K/C chi phí sản xuất chung	154	619.530.996	619.530.996
			<b>Tổng cộng số phát sinh</b>			

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

**2.2.4.5: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn hàng. Vì vậy, các chi phí sản xuất liên quan đến đơn hàng nào thì sẽ tập hợp vào đơn hàng đó. Theo từng chi phí phát sinh trong tháng. Đối với đơn hàng đã hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp cho đơn hàng đó sẽ được tính giá thành sản xuất chung của đơn hàng.

Tài khoản sử dụng: TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, tập hợp cho từng công trình.

❖ Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Thẻ tính giá thành

❖ Sổ kế toán sử dụng:

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 154
- Sổ chi tiết TK 154

*Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất:*

Đối với những đơn hàng đến kỳ kế toán mà chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó đều được coi là chi phí dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau. Còn những đơn hàng đã hoàn thành như công trình nhà một cửa thì toàn bộ chi phí tập hợp theo đơn hàng đó sẽ được tính vào giá thành sản xuất của đơn hàng.

Cuối tháng kế toán tập hợp chi phí phát sinh trong kỳ: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sử dụng máy thi công vào TK 154. Các chi phí sử dụng ở công trình nào sẽ tập hợp trực tiếp vào công trình đó, nếu chi phí phát sinh toàn xí nghiệp hoặc không được tập hợp trực tiếp thì kế toán phân bổ theo tiêu thức doanh thu kết toán vào cuối kỳ.

Công trình nhà một cửa được tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho công trình, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được tiến hành phân bổ như **Biểu 2.18**.

**Biểu 2.18:** Bảng phân bổ chi phí**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 toà nhà Sao Đỏ, Km1+400 đường Phạm Văn Đồng, Hải phòng

**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ**

Tháng 8 năm 2013

STT	Công trình	Giá thành dự toán	Chi phí nhân công trực tiếp	Chi phí sản xuất chung
1	Nhà một cửa	5.645.765.000	475.104.949	345.224.616
2	Hàng rào B40	150.000.000	25.000.000	11.441.645
...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>17.936.874.572</b>	<b>852.610.823</b>	<b>619.530.996</b>

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

*(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán công ty cổ phần xây lắp Sao Việt)*

Các khoản chi phí sau khi được tập hợp và phân bổ cho từng công trình theo tiêu thức giá thành dự toán được kết chuyển vào TK 154. Từ sổ cái Tk 621, 622, 623, 627, Sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621 mở chi tiết cho từng công trình và bảng phân bổ chi phí nhân công, máy thi công, sản xuất chung, kế toán lập phiếu kế toán (**Biểu 2.19**)

**Biểu 2.19:** Phiếu kế toán số 08

### CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT

Tầng 3 toà nhà Sao Đỏ, Km1+400 đường Phạm Văn Đồng, Hải phòng

#### PHIẾU KẾ TOÁN

Số 08

STT	Chỉ tiêu	TK		Tổng số tiền	Chi tiêu	
		Nợ	Có		Nhà một cửa	...
1	Kết chuyển CPNVLTT	154	621	10.893.460.053	795.584.775	...
2	Kết chuyển CPNCTT	154	622	852.610.823	475.401.949	...
4	Kết chuyển CPSXC	154	627	619.530.996	345.224.614	...
	<b>Cộng</b>			<b>12.365.601.872</b>	<b>1.515.904.338</b>	...

Ngày 30 tháng 08 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

Căn cứ vào hồ sơ quyết toán, nghiệm thu bàn giao công trình, kê toán lập phiếu kế toán phản ánh giá vốn như (**Biểu 2.20**)

**Biểu 2.20:** Bảng tính giá thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 toà nhà Sao Đỏ, Km1+400 đường Phạm Văn Đồng, Hải phòng

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH**

Đơn hàng số 10

Công trình: Nhà một cửa

STT	Chỉ tiêu	Chi phí xây lắp dở dang đầu kỳ	Chi phí xây lắp dở dang trong kỳ	Chi phí xây lắp dở dang cuối kỳ	Giá thành sản phẩm xây lắp
1	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	648.304.983	795.584.775	0	1.443.889.758
2	Chi phí nhân công trực tiếp	1.098.598.405	475.104.949	0	1.573.703.354
4	Chi phí sản xuất chung	359.892.778	345.224.614	0	705.117.392
	<b>Cộng</b>	<b>2.106.796.166</b>	<b>1.615.914.338</b>	<b>0</b>	<b>3.722.710.504</b>

Ngày 30 tháng 08 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)

**Biểu 2.21:** phiếu kế toán 09**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT**

Tầng 3 toà nhà Sao Đỏ, Km1+400 đường Phạm Văn Đồng, Hải phòng

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số 09

Nội dung	Tài khoản		Số tiền	
	Nợ	Có	Nợ	Có
Kết chuyển giá vốn đơn hàng công trình nhà một cửa	632	154	3.722.710.504	3.722.710.504
<b>Cộng</b>			<b>3.722.710.504</b>	<b>3.722.710.504</b>

Ngày 30 tháng 08 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

*(Nguồn dữ liệu: Từ phòng kế toán Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt)*



Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (**Biểu 2.25**), đồng thời vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154 (**Biểu 2.26**)

**Biểu 2.22: Sổ nhật ký chung**

Công ty cổ phần xây lắp Sao Việt  
Tầng 3 toà nhà văn phòng Sao Đỏ,  
Km1+400 đường Phạm Văn Đồng

Mẫu số S03 - DN  
(Ban hành theo QĐ 15/2006 – BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 8 năm 2013

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
30/08	PKT08		Kết chuyển chi phí sản xuất chung tháng 8	154	621 622 627	12.366.018.138	10.893.460.053 852.610.823 619.947.262
...	...	...	...	...	...	...	...
30/08	PKT 09	30/08	Kết chuyển giá thành đơn hàng công trình nhà một cửa	632	154	3.722.710.504	3.722.710.504
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh cuối tháng 8</b>			<b>18.607.950.000</b>	<b>18.607.950.000</b>

Ngày 30 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích: Từ phòng kế toán công ty cổ phần xây lắp Sao Việt)

**CHƯƠNG 3.****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN CHO PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH  
SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP SAO VIỆT****3.1. Đánh giá thực trạng kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành nói riêng tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt**

Là một công ty cổ phần, được thành lập năm 2006. Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt đã từng bước hoàn thiện và phát triển, không ngừng mở rộng quy mô thoát khỏi những bước khó khăn ban đầu và trên đà phát triển, nâng cao chất lượng các công trình từng bước hoà nhập với tốc độ phát triển kinh tế của đất nước.

Hiện nay Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt là một trong những công ty xây dựng lớn ở Hải Phòng, doanh thu ngày càng tăng, luôn hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước, giúp hàng trăm người lao động có đời sống ổn định. Để có những thành tựu ấy là nhờ sự phấn đấu nỗ lực hết mình của các cán bộ công nhân viên trong công ty, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của bộ phận kế toán.

Qua thời gian thực tập tại công ty, được tiếp cận được với thực tiễn công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng, tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm nhưng trong bài khoá luận này, em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến với mong muốn góp phần nhỏ bé của mình để củng cố và hoàn thiện bộ máy kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

**3.1.1. Ưu điểm*****Về tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán***

Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng, có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống dưới giúp ban lãnh đạo công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt đã xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình tổ chức tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép sổ sách và lập báo cáo tài chính. Đặc biệt các nhân viên kế toán đều có kinh nghiệm, trung thực trong công tác kế toán, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Đồng thời, cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho nhu

cầu quản lý tham mưu cho lãnh đạo trên một số mặt trong công tác quản lý. Điều đó thực sự có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra quyết định kinh doanh.

Về tổ chức công tác kế toán

Về sổ sách bộ máy kế toán tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính. Đồng thời những thông tư, quy định của bộ tài chính trong công tác kế toán nói chung và công tác chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng luôn được kế toán công ty cập nhật, thay đổi kịp thời

Về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

Việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo đơn hàng và đối tượng tính giá thành là sản phẩm cụ thể của từng đơn hàng là hoàn toàn hợp lý, khoa học phù hợp với đặc thù sản xuất thi công của công ty, phục vụ cho công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp chính xác, xác định đúng kết quả kinh doanh theo từng đơn hàng.

Việc tập hợp chi phí sản xuất là tương đối khoa học, đúng chế độ. Các chi phí phát sinh được tập hợp chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình theo từng khoản mục qua việc hạch toán ban đầu tại xí nghiệp, sau đó gửi về phòng kế toán tài chính của công ty, vào sổ và quản lý chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

Về hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nhìn chung công ty thực hiện đầy đủ quy trình hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp . Việc ghi sổ chép các nghiệp vụ phát sinh về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được phản ánh kịp thời, thường xuyên, hợp lý theo yêu cầu của công tác kế toán. Mặt khác, phân bổ chi phí nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm theo định mức và sản lượng thực tế giúp cho công ty có thể theo dõi, quản lý chặt chẽ, tránh lãng phí.

Về hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

Việc áp dụng trả lương theo sản phẩm mà công ty áp dụng là đơn giản, gọn nhẹ, giảm khối lượng công việc cho kế toán. Lương và các khoản trích theo lương đều được tính toán và phân bổ theo chế độ hiện hành.

Về hạch toán chi phí sản xuất chung

Việc hạch toán chi phí sản xuất chung cho các phân xưởng sản xuất được phân bổ một cách kịp thời, đầy đủ chính xác.

### 3.1.2. Những mặt hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu ở trên ở công ty còn một số hạn chế nhất định trong qua trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, cần được hoàn thiện, cụ thể là:

#### Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

Đối với các doanh nghiệp xây lắp, khối lượng công việc lớn, thời gian thi công dài, công trình nằm rải rác... nên việc áp dụng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Công ty mới chỉ sử dụng máy tính (Phần mềm tin học văn phòng tin học đơn giản Excel, Word) để thay thế cho việc ghi chép thủ công nên vẫn xảy ra những sai sót trong hạch toán, công việc dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến kịp thời của thông tin kế toán.

#### Về việc thu hồi phế liệu, vật tư thừa

Công ty chưa chú trọng đến việc thu hồi phế liệu, vật tư cuối kỳ nhập kho. Việc mua nguyên vật liệu đã được tính toán theo dự toán và kế hoạch thi công nhưng thực tế vật liệu thừa, chưa sử dụng hết tại công trình cũng chiếm một tỷ trọng không nhỏ, do đó chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh trong kỳ có thể chưa được phản ánh.

#### Về việc trích chi phí sửa chữa lớn TSCĐ

Một số tài sản cố định của công ty do được mua sắm, xây dựng từ lâu nên một số tài sản đã bị xuống cấp. Mặc dù kế toán không trích trước các khoản sửa chữa lớn cho chúng mà khi xảy ra kế toán sẽ hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ. Vì vậy những kỳ chúng phát sinh làm chi phí sản xuất tăng đột biến, gây biến động lớn cho giá thành. Việc yêu cầu kế toán tiến hành lập và sửa chữa tài sản cố định là rất cần thiết.

#### Việc trích dự phòng về bảo hành công trình xây lắp:

Hiện nay công ty không tiến hành trích lập dự toán về bảo hành công trình xây lắp. Do đó các khoản chi phí này phát sinh sẽ làm tăng chi phí bất thường và giảm lợi nhuận trong kỳ của công ty. Việc hạch toán giá thành của từng công trình sẽ không chính xác.

### 3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cơ chế thị trường hiện nay, các thành phần kinh tế được tự do phát triển, tự do cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật. Với cơ chế này một mặt tạo cơ hội thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển,

mặt khác nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt. Để có thể đứng vững và tồn tại lâu dài, các doanh nghiệp phải tìm biện pháp để ngày càng hoàn thiện bộ máy tổ chức và quy trình sản xuất, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, giá cả hợp lý. Sản phẩm chất lượng tốt, giá thành hạ sẽ là tiền đề tích cực cho các doanh nghiệp đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm, đem lại nhiều thuận lợi, từ đó doanh nghiệp có thể mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tăng tích lũy và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

Tại các doanh nghiệp sản xuất, để tạo ra sản phẩm đòi hỏi doanh nghiệp phải bỏ ra rất nhiều chi phí, bao gồm cả chi phí lao động sống và chi phí lao động vật hoá. Việc tập hợp chi phí này cho phép tính tổng chi phí đã bỏ ra, giá thành sản phẩm, từ đó xác định được mức bán tối thiểu của sản phẩm để hoàn vốn và thu lợi nhuận.

Trong công tác quản lý doanh nghiệp, chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như năng lực quản lý và sử dụng yếu tố đầu vào. Do đó, thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành luôn được các nhà quản lý quan tâm. Các thông tin này giúp nhà quản trị định hướng, nắm bắt được chi phí, giá thành sản phẩm thực tế của từng hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó phân tích, nhận xét đánh giá tình hình thực hiện các định mức, tình hình thực hiện các vật tư, lao động, tiền vốn để kịp thời đưa ra các biện pháp hạ thấp chi phí, tăng thu nhập cho doanh nghiệp, định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp ngày càng hiệu quả hơn.

Mặt khác, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thường chiếm một khối lượng lớn trong toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp sản xuất và chi phối đến kết quả hoạt động kinh doanh nên các doanh nghiệp luôn hết sức chú trọng đến hoàn thiện phần hành này.

Như vậy, hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một yêu cầu tất yếu. Góp phần không nhỏ vào sự thành công trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần phải ngày càng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm để tăng cường hiệu quả kế toán cũng như quản trị.

**3.3 Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

*Yêu cầu của việc hoàn thiện:*

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đòi hỏi việc thực hiện dựa trên yêu cầu sau:

Nội dung hoàn thiện phải dựa trên cơ sở kế thừa có chọn lọc nội dung và đã được thực hiện tại doanh nghiệp.

Nội dung hoàn thiện cần đảm bảo phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý ở công ty với chế độ kế toán nói chung. Vì mỗi Công ty có một đặc điểm riêng nên vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác hạch toán nói riêng.

Nội dung hoàn thiện phải đơn giản, dễ triển khai, đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong công việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. muốn vậy phải tổ chức một cách khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng của công tác kế toán đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

Đảm bảo tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời chính xác để các nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn.

*Phương hướng hoàn thiện:*

Hoàn thiện những tồn tại về kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp thuộc nội dung của kế toán tài chính đã nêu ở phần thực trạng. đảm bảo số liệu kế toán cung cấp được đầy đủ, rõ ràng, chính xác, góp phần hoàn thiện công tác kế toán tài chính của công ty phù hợp với luật và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

Tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, công tác kế toán tuy có những ưu điểm nhưng vẫn còn tồn tại, vướng mắc chưa hợp lý, nếu khắc phục được sẽ đem lại được sự chặt chẽ trong công tác kế toán và hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Sau khi tìm hiểu thực tế của công ty, kết hợp với những kiến thức đã học ở trường, em xin đề xuất một số hướng khắc phục trong công tác kế toán nói

chung và công tác chi phí sản xuất giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty qua một số kiến nghị sau:

### **3.4.1 Kiến nghị 1: Về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**

Công ty nên trang bị phần mềm kế toán để tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán viên và đặc biệt đảm bảo cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời, đồng thời lưu trữ, bảo quản số liệu thuận lợi và an toàn, góp phần đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác kế toán nói riêng cũng như công tác quản lý nói chung, tạo hiệu quả cao hơn trong công việc, Khi trang bị phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để có thể sử dụng thành thạo, khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo quy định của tại Thông tư số 103/2055/TT-BTC của bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “ Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm MISA của công ty cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán EFFECT của công ty cổ phần EFFECT
- Phần mềm SAS INNOVA của công ty cổ phần SIS Việt Nam
- Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của công ty cổ phần FAST Việt Nam
- Phần mềm kế toán ACMAN của công ty cổ phần ACMAN
- Phần mềm kế toán BRAVO của công ty cổ phần BRAVO

### **3.4.2. Kiến nghị 2: Hạch toán chi phí nguyên vật liệu**

Hiện nay công ty chưa chú trọng đến việc hạch toán nguyên vật liệu cuối kỳ chưa sử dụng hết tại công trình nên các khoản chi phí nguyên vật liệu thực tế phát sinh chưa được phản ánh chính xác. Kế toán công ty cần yêu cầu nhân viên thống kê đội lập biên bản kiểm kê số vật liệu cuối kỳ chưa sử dụng hết của công trình để có căn cứ phản ánh chính xác hơn chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh.

Để lập biên bản kiểm kê này nhân viên thống kê của từng đội cùng cán bộ kỹ thuật tiến hành kiểm kê xác định khối lượng vật liệu còn lại công trường để tiến hành tính toán ghi vào biên bản. Biên bản được lập theo từng công trình hoặc hạng mục công trình tại thời điểm hoàn thành, công việc này cũng có thể

thực hiện vào cuối tháng. Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu còn lại cuối kỳ có thể tham khảo theo mẫu sau:

**Biểu 3.1:** Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.

Đơn vị:.....

Mẫu số 04 – VT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU BÁO VẬT TƯ THỪA CUỐI KỲ**

Số...

Ngày...tháng...năm

Công trình:...

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Lý do còn sử dụng hay trả lại
	.....				
	.....				
	Tổng cộng				

Phụ trách bộ phận sử dụng

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào biên bản kiểm kê vật tư của từng công trình, kế toán ghi:

Nợ 152 – Ghi chi tiết cho từng công trình

Có 621 – Chi tiết cho từng công trình

Số vật tư thừa tại công trình này có thể được chuyển tới công trình khác để tiếp tục sử dụng cho công trình.

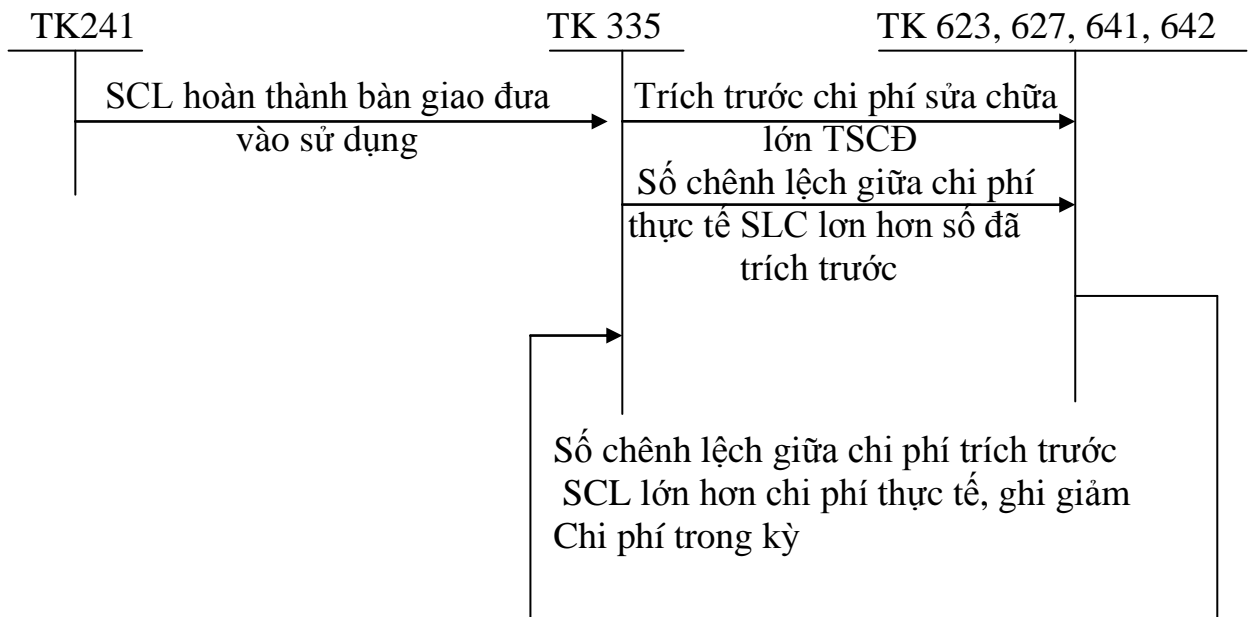
**3.4.3. Kiến nghị 3: Tiến hành trích chi phí sửa chữa lớn TSCĐ:**

Nhằm ổn định tài chính cho công ty, đảm bảo khi các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh thực tế không gây đột biến cho chí phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, gây ảnh hưởng đến việc tính giá thành và xác định kết quả kinh doanh, chủ động về vốn, chủ động về nguồn tài trợ chi việc sửa chữa lớn TSCĐ, công ty nên lập kế hoạch sửa chữa lớn và tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Sau đó, khi việc sửa chữa lớn tài sản phá sinh trong bất kỳ thời gian nào trong năm thì công ty không cần lo lắng về khả năng tài chính hiện tại có đáp ứng được hay không.



Để trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thì vào đầu năm hoặc đầu niên độ kinh doanh công ty cần xem xét tình hình, khả năng hoạt động của tài sản cố định hiện có, từ đó lập kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định cho cả năm. Dựa vào kế hoạch chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định trong năm, kế toán tính và trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo tháng hoặc quý rồi phân bổ đều chi phí cho các công trình.

**Sơ đồ 3.1:** Kế toán chi phí sửa chữa lớn

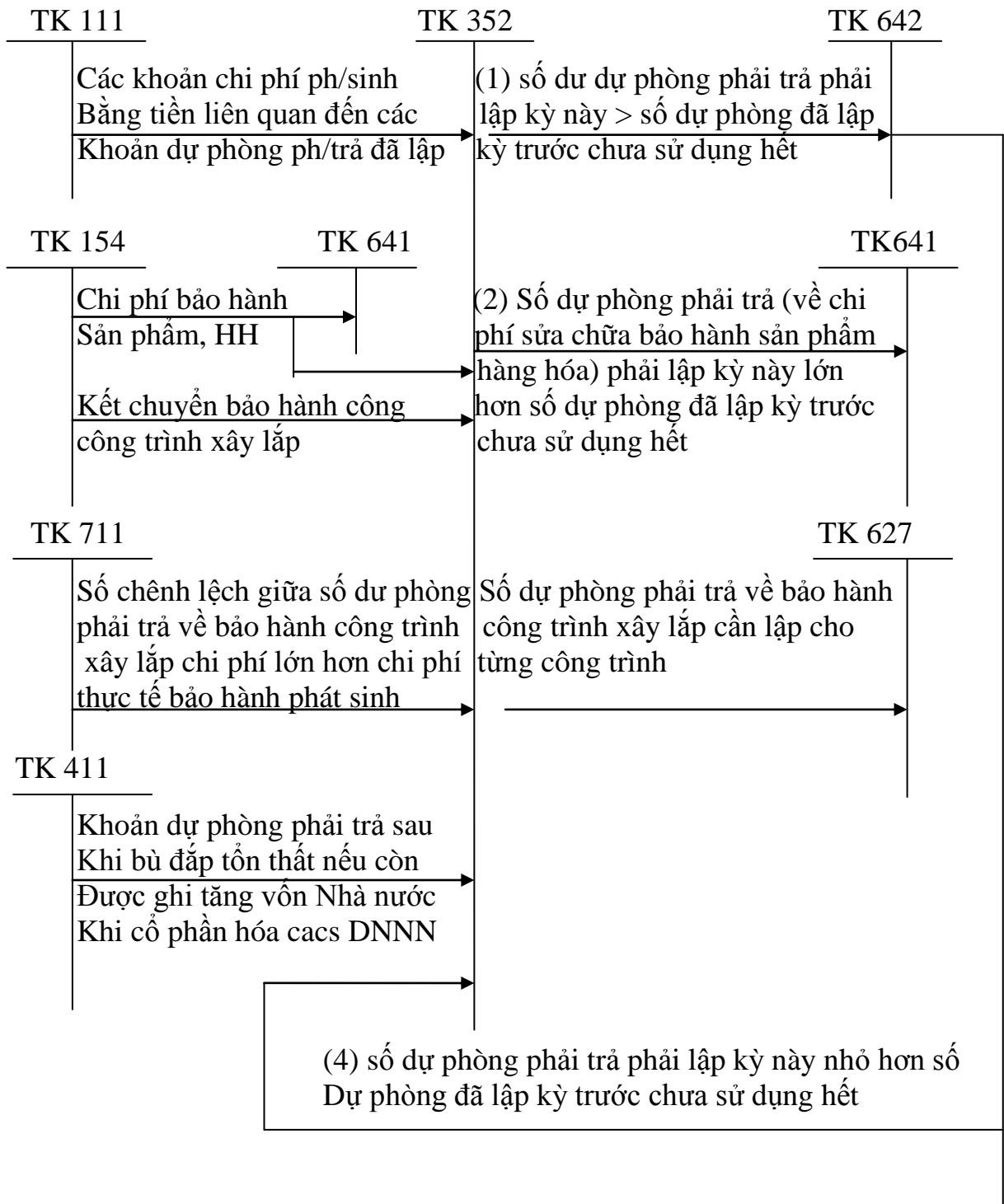


#### 3.4.4. Kiến nghị 4: tiến hành lập trích dự phòng chi phí bảo hành công trình xây lắp:

Nội dung bảo hành công trình xây lắp bao gồm: Khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra, xuất phát từ các đặc điểm của ngành xây lắp là sản phẩm mang tính đơn chiếc, khối lượng lớn, giá trị sử dụng lâu dài, chỉ có thể nhận biết được chất lượng của công trình bàn giao đưa vào sử dụng, thời hạn bảo hành dài (12 tháng, 24 tháng hoặc hơn). Vì vậy, việc lập dự phòng về bảo hành công trình xây lắp được tính toán một cách chặt chẽ (Lập dự toán chi phí trích trước)

Công ty không trích lập dự phòng các khoản chi phí này do đó khi các khoản chi phí này phát sinh sẽ làm tăng chi phí bất thường và giảm lợi nhuận trong kỳ của công ty, kế toán nên lập khoản trích dự phòng chi phí bảo hành công trình nhằm giảm bớt và loại bỏ sự bất ổn của chi phí các kỳ sản xuất kinh doanh.

**Sơ đồ 3.2:** Kế toán dự phòng các khoản phải trả



**3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.****3.5.1 Về phía nhà nước**

Các công ty hoạt động trong nền kinh tế đều chịu ảnh hưởng của các yếu tố của môi trường kinh tế vĩ mô. Nhà nước cần những chính sách quản lý và điều kiện hợp lý và điều kiện hợp lý để luôn chủ động kiểm soát và thích ứng kịp thời với những biến động của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty phát triển.

Đồng thời nhà nước cần tạo môi trường pháp lý ổn định và thống nhất, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động và kinh doanh hiệu quả. Môi trường pháp lý chính là hành lang để các doanh nghiệp hoạt động, đó là các văn bản điều chỉnh hành vi và các cách thức hoạt động như pháp luật doanh nghiệp, luật thuế, luật lao động, ... tuy đã nhiều lần được chỉnh sửa và bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển của nền kinh tế nhưng các văn bản này vẫn còn những bất cập, thiếu đồng bộ gây khó khăn cho các doanh nghiệp.

**3.5.2. Về phía công ty.**

Ban lãnh đạo công ty cũng nên sớm xem xét triển khai kế toán trên toàn doanh nghiệp để hỗ trợ đắc lực cho công tác kế toán cũng như công tác quản trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải thường xuyên tổ chức và cử kế toán viên của công ty tham gia các chương trình bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu về kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để có thể theo kịp được những thay đổi trong chế độ chính sách, chuẩn mực kế toán hiện hành và khuyến khích họ tự học tập, nghiên cứu để hoàn thiện và áp dụng các chính sách mới vào doanh nghiệp một cách phù hợp đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty, đồng thời đảm bảo đúng nguyên tắc và chế độ kế toán.

## KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế hội nhập ngày nay, một công ty muốn phát triển lớn mạnh và bền vững cần có sự kết hợp sử dụng đúng đắn các yếu tố đầu vào. Đảm bảo chất lượng đầu ra và tự cân đối hạch toán kinh tế. Việc doanh nghiệp xây dựng cơ bản hạch toán đúng chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp cho doanh nghiệp có cái nhìn đúng đắn về thực trạng khả năng của doanh nghiệp mình, từ đó có những biện pháp thúc đẩy quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đạt tới hiệu quả cao nhất. Đảm bảo thực hiện tốt công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ cung cấp các thông tin kinh tế tài chính giúp nhà quản lý đưa ra các biện pháp thích hợp trong sản xuất kinh doanh. Vì thế kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được xác định là khâu trọng tâm của công tác kế toán trong mọi công ty.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu và lựa chọn đề tài: “ **Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.**” Làm khóa luận tốt nghiệp.

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Đề tài mô tả và phân tích thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành của công trình “ Nhà một cửa” của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, cho thấy kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp xây dựng cơ bản.

Quá trình thực tập tại công được tiếp xúc với thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty còn tồn tại một số nhược điểm, từ thực trạng đó, đề tài đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện bộ máy kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt.

Kết hợp giữa lý thuyết trên trường và tình hình thực tế tại Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt, tuy nhiên còn nhiều thiếu sót, hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm nên ở bài viết này em mới chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản cũng như chỉ mới đưa ra những ý kiến ban đầu và chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô trong nhà trường và cán bộ nhân viên trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Xây lắp Sao Việt để bài viết của em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ths. Nguyễn Đức Kiên người đã luôn tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em và toàn thể các thầy cô trong khóa Quản trị kinh doanh và nhà trường, cùng toàn thể các cán bộ công nhân viên trong phòng kế toán công ty đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

*Hải phòng, ngày 21 tháng 11 năm 2014*

Sinh viên

Lê Thị Minh Hòa

